



# THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Association Viet Nam Fraternité, 24 Square des Cottages, 91200 Athis-Mons, France  
Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359  
Directeur de publication: Bùi Quang Hiếu

## Vấn đề trong tháng

### Đảng Cộng Sản Việt Nam bế tắc trước đại hội VII

Trong vòng 13 ngày, từ ngày 16 đến ngày 28-8-1990, Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng Cộng Sản Việt Nam đã họp đại hội. Đây là hội nghị Ban Chấp Hành Trung Ương kéo dài nhất, để đi đến một nghị quyết ngắn nhất và trống rỗng nhất. Đối với một người quan sát chăm chú, đảng cộng sản Việt Nam đã rạn vỡ. Bản Thông Báo được công bố sau đó càng làm cho người ta thấy rõ hơn sự bế tắc tốt cùng của đảng cộng sản Việt Nam.

Bản nghị quyết chỉ ghi nhận hai điểm: một là Ban Chấp Hành Trung Ương đã không đồng ý được với nhau về Cương Lĩnh Chính Trị sẽ trình bày tại Đại Hội VII, hai là

Ban Chấp Hành Trung Ương từ nhiệm trong vai trò biểu quyết cương lĩnh, sẽ không họp lại nữa và phó thác cho Bộ Chính Trị và Tiểu Ban Cương Lĩnh, do chính Tổng Bí Thư Nguyễn Văn Linh điều khiển, trách nhiệm sửa chữa lại Dự Thảo Cương Lĩnh, định ngày công bố và tìm phương thức lấy ý kiến của cơ sở rồi trình lên Đại Hội VII.

Mặt khác, Dự Thảo Chiến Lược Kinh Tế do Thủ Tướng Đỗ Mười đệ trình cũng bị từ chối và cũng chịu chung một số phận như Dự Thảo Cương Lĩnh. Cần phải nói đây là lần đầu tiên đảng cộng sản làm lại cương lĩnh, bản cương lĩnh đầu tiên ra đời cùng với đảng. Các đại hội sau này chỉ có báo cáo chính trị.

Không nên nhầm lẫn: đây không phải là một sự ủy quyền mà là một thái độ tẩy chay và bỏ cuộc của Ban Chấp Hành Trung Ương.

Nghị Quyết cũng như Thông Báo không hề bày tỏ một sự tin tưởng nào ở Bộ Chính Trị và Ủy Ban Dự Thảo Cương Lĩnh cả. Chỉ thấy nói đã thảo luận, tranh luận sôi nổi và không chấp nhận. Bản Dự Thảo Chiến Lược Kinh Tế dĩ nhiên là chỉ có một tầm quan trọng rất nhỏ so với Cương Lĩnh Chính Trị. Nhưng sự kiện nó cũng bị bác bỏ chứng tỏ sự chia rẽ trầm trọng trong nội bộ Ban Chấp Hành Trung Ương.

Trên thực tế Ban Chấp Hành Trung Ương khóa VI đã từ nhiệm tập thể. Và khi đã không còn Ban Chấp Hành Trung Ương nữa, người ta có thể tự hỏi trên thực tế đảng cộng sản Việt Nam có thực sự tồn tại nữa hay không. Ngày 28-8-1990 đã là một ngày đen tối nhất đối với đảng cộng sản Việt Nam kể từ khi nó được thành lập. Đảng Cộng Sản đã chịu một chấn thương mạnh nhất trong lịch sử của nó. Hội Nghị Ban Chấp Hành Trung Ương lần thứ 9 đã là hội nghị của cơ may cuối cùng và đã thất bại. Dự Thảo Cương Lĩnh đã được mổ xẻ tổng cộng mười lần và vẫn bị bác bỏ. Đảng cộng sản đã mất hết đồng thuận.

### Trong số này

- 1. Vấn đề trong tháng:  
**Đảng CSVN bế tắc trước Đại Hội VII**
- 4. Vì đất nước hôm nay và ngày mai:  
**Số phận nào cho Hiến pháp nước CHXHCNVN ?**  
*Trần Thanh Hiệp*
- 8. Câu chuyện đầu lửa  
*Nguyễn Văn Huy*
- 9. Thực trạng và tương lai  
*Nguyễn Anh Tuấn*
- 11. Thời sự- Tin tức
- 17. Độc giả viết
- 18. Bày chim bỏ xú  
*Dặng Tiến*
- 20. Số tay:  
**Chúng ta không có tiếng nói ?**  
*Thụy Khuê*

Lời lẽ của bản Nghị Quyết cũng như của bản Thông Báo sau Hội Nghị cũng đáng được chú ý.

Trước hết là tên của đảng không thấy xuất hiện như thường lệ. Thay vì "Nghị Quyết của Hội Nghị lần thứ 9 Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng Cộng Sản Việt Nam...", người ta chỉ thấy "Nghị Quyết của Hội Nghị lần thứ 9 Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng". Bốn chữ *Cộng Sản Việt Nam* đã biến mất cả trong đề tựa lẫn chỗ ký tên. Đây không phải là một sự vô tình. Các văn kiện quan trọng như vậy không bao giờ chấp nhận một tình cờ nào. Đảng cộng sản Việt Nam chưa bao giờ "vô ý" như vậy trong quá khứ. Phải hiểu rằng vấn đề tên đảng (đổi tên hay không đổi tên và đổi tên như thế nào?) vẫn chưa ngã ngũ.

Sau đó, dù dùng kính lúp tìm kiếm, người ta cũng không thấy một chữ "*cộng sản*" nào trong cả hai văn kiện. Cũng hoàn toàn biến mất những cụm từ vẫn được nhắc đi nhắc lại một cách thỏa mãn trong các nghị quyết, thông báo trước. Không còn "*chủ nghĩa Mác-Lênin*", "*vô sản chuyên chính*", "*giai cấp công nông*", "*dân chủ tập trung*", cũng không tìm đâu thấy những "*tình đoàn kết chiến đấu*", cũng biến mất những khẩu hiệu bài bác "*đế quốc và bọn phản động*", những đả kích dân chủ đa nguyên.

Ngược lại cũng không thấy một dấu hiệu cởi mở mới nào cả.

Đảng cộng sản không còn đồng ý trên bất cứ một chọn lựa nào.

Ban lãnh đạo đảng cộng sản chưa bao giờ cô lập như hiện nay. Không phải chỉ là cô lập với thế giới bên ngoài, không phải chỉ là cô lập với nhân dân mà cô lập ngay trong nội bộ đảng cộng sản, và ngay giữa những người lãnh đạo với nhau.

Bộ Chính Trị, Ban Bí Thư là những định chế xuất phát từ Trung Ương Đảng. Khi Trung Ương Đảng không còn nữa thì dĩ nhiên cả Bộ Chính Trị lẫn Ban Bí Thư đều bị tê liệt. Bộ Chính Trị do đó không còn tư cách để chọn lựa đại biểu, triệu tập Đại Hội VII đúng hạn kỳ trong vòng 9 tháng nữa. Đại Hội VII nếu được triệu tập sẽ chỉ là đại hội của sự rã hàng, hoặc là đại hội của một phe nhóm rất thiểu số trong đảng, một đại hội không có tư cách nào để quyết định tiếp tục đường lối cũ hay để làm những chọn lựa có tầm quan trọng sinh tử đối với tương lai của đảng. Như thế, không có gì bảo đảm rằng Đại Hội VII sẽ diễn ra. Mặt khác nó lại bắt buộc phải diễn ra vì Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng, cơ quan duy nhất có quyền dời ngày họp của Đại Hội, đã không biểu quyết dời lại và trước khi giải tán đã không hẹn ngày gặp lại. Tình trạng đảng cộng sản Việt Nam thực là hoàn toàn tuyệt vọng.

Mọi người yêu nước đều mong mỗi một sự chuyển biến êm dịu về dân chủ. Nhưng ngày hôm nay hy vọng ấy đã suy giảm đi rất nhiều. Một chế độ quân luật đang dần dần

cụ thể hóa.

Đảng cộng sản đã bỏ lỡ quá nhiều cơ hội.

Vào năm 1975 họ có tất cả mọi thuận lợi để thực hiện hòa giải dân tộc, thực hiện dân chủ và trở thành một đảng cầm quyền với chỗ đứng rất vinh quang và bền vững, nhưng họ đã không làm chọn lựa ấy. Trái lại họ đã áp dụng chính sách chiếm đóng, bỏ tù cả nước và hạ nhục tập thể đối với miền Nam bại trận. Họ đã lao đầu vào tử lộ Stalin. Kết quả là kế hoạch năm năm 1976-1980 đã hoàn toàn thất bại trên mọi phương diện, trong mọi lãnh vực.

Năm 1980, họ chỉ còn con đường dân chủ hóa, chấp nhận luật chơi dân chủ, với hy vọng nếu mất chính quyền vẫn còn tồn tại được như một lực lượng chính trị. Nhưng họ vẫn chọn tử lộ Stalin. Đại Hội V đã được dời lại tới tháng 2-1982, để rồi chỉ là đại hội của thanh trừng tập thể và của đường xưa lối cũ. Lại thêm một cơ hội bỏ lỡ, lại thêm năm năm thất bại toàn diện.

Đại Hội VI năm 1986 chỉ có một chọn lựa: đó là tìm kiếm một sự thất bại trong vinh quang mà thôi. Nhưng đảng cộng sản lại cố bám lấy hy vọng "đổi mới để tồn tại", một điều mà họ đã không chịu làm năm 1980, lúc còn có thể làm được. Dĩ nhiên lúc đó đã quá trễ, con đường đổi mới hoàn toàn bế tắc. Đảng cộng sản ngay sau đó cứng rắn trở lại, co cụm một cách tuyệt vọng để chờ một phép màu. Nhưng phép màu đã không đến, trái lại sự sụp đổ của phong trào cộng sản thế giới đã đến một cách tàn nhẫn và đột ngột.

Vào cuối năm 1990 ngay cả một sự thất bại trong danh dự cũng khó có được. Đảng cộng sản không còn ngay cả sự đồng thuận để có thể đầu hàng trong danh dự.

Sai lầm năm 1976 còn có thể hiểu được do say men chiến thắng. Nhưng từ năm 1980 trở đi, tất cả đều do sự thiển cận của ban lãnh đạo. Đảng cộng sản đã mất đi mười năm mà họ không tìm lại được nữa.

Chế độ cộng sản Việt Nam ngày nay đang ở trong tình trạng phân rã trầm trọng, có thể nói trên thực tế không còn là một chính quyền nữa.

Tại miền thượng du Bắc phần, tình trạng mất an ninh tiếp tục gia tăng từ nhiều năm nay. Các đồn công an biên phòng luôn luôn ở trong tình trạng bị đe dọa. Hàng trăm, có thể là hàng ngàn, công an biên phòng và bộ đội đã bị giết trong các cuộc đụng độ với các toán buôn lậu và với các lực lượng chống phá của các sắc tộc thiểu số. Tình trạng cướp bóc nguyên vật liệu, đả thương, sát hại công nhân viên xảy ra hàng ngày ngay tại các xí nghiệp lớn của nhà nước. Vùng biển từ Hải Phòng đến Móng Cái đầy rẫy những băng đảng hải tặc công khai thách thức lực lượng công an vô trang.

Tại cao nguyên Trung phần, cuộc chiến đấu vô trang của lực lượng Fulro tuy đã giảm sút, nhưng chỉ để nhường

chỗ cho một tình trạng thiếu an ninh đều khắp.

Miền Nam từ trước tới nay khá yên ổn đang mau chóng đi vào tình trạng hỗn loạn và bạo loạn. Tại khắp các tỉnh biên giới: Tây Ninh, Long An, Minh Hải, An Giang... đang thường ngày xảy ra cảnh hàng trăm người với sự hỗ trợ của bộ đội địa phương tràn ngập trụ sở các trạm hải quan đập phá văn phòng, đá thương và sát hại công an hải quan một cách hoàn toàn vô tội vạ.

*Chính quyền cộng sản đã làm hai sai lầm thô kệch: một là đã không nhìn thấy một sự thực hiển nhiên là khi một chính quyền không còn hậu thuẫn của dân chúng thì dù có hung bạo tới đâu nữa cũng không thể nào kiểm soát được đất nước, hai là khi những nguồn lợi kinh tế bất chính đã xuất hiện, chúng có khả năng tạo ra một bạo lực riêng của chúng và một chế độ đã để chúng sinh ra rất khó dẹp được.*

Trong gần hai năm qua chính quyền cộng sản đã khuyến khích hàng lậu để giá cả ùng tăng lên với hy vọng là tạo ra một lớp sơn phấn phần vinh che đậy thực trạng bi đát của đất nước và do đó vay tiền được của các định chế tiền tệ quốc tế, lôi kéo đầu tư v.v... Đặc điểm của những người lãnh đạo cộng sản là lúc nào họ cũng tưởng họ khôn hơn người khác. Chính sách kinh tế sơn phấn của gần hai năm qua đã không che mắt được ai mà đã chỉ làm vơi cạn số dự trữ vàng và ngoại tệ của nhân dân. Hơn nữa nó còn làm phá sản toàn bộ hoạt động công nghiệp trong nước. Ngày nay vì ngân quỹ đã hết sạch và cần phải thu thuế trên hàng nhập cảng lậu, chính quyền cộng sản đã tung ra lực lượng công an quản lý thị trường trong một cố gắng đưa giới buôn lậu vào nền nếp. Họ đã gặp sức chống trả dữ dội của các phần tử buôn lậu phối hợp với các lực lượng võ trang địa phương được ăn chia.

Đất nước đã trở thành hỗn loạn. Đây là một hiểm họa ghê gớm mà những người yêu nước thật sự, dù chống cộng thế nào đi nữa cũng phải lo ngại. Chúng ta không thể nào chấp nhận thái độ của những người hí hửng trước sự suy yếu của cộng sản chỉ mong "đánh cho nó chết" còn đất nước ra sao cũng được. Đảng cộng sản tuy không còn ích lợi gì cho đất nước nhưng vẫn còn khả năng gây ra những đổ vỡ ghê gớm. Đó là điều chúng ta phải tránh. Và lại xét cho cùng một nước Việt Nam dân chủ và giàu mạnh có chỗ đứng cho *tất cả mọi người* dầu sao cũng đẹp hơn ngàn lần một nước Việt Nam dân chủ và giàu mạnh có chỗ đứng cho *mọi người trừ những người cộng sản*.

Cái gì sẽ xảy ra cho Việt Nam trong những ngày sắp tới?

Giải pháp tốt đẹp nhất, mặc dầu đã hơi muộn, là đảng cộng sản phải rút lui, nhường chỗ cho một chính phủ đoàn kết dân tộc rộng rãi có dự án dân chủ thật sự, có khả năng xóa bỏ những hận thù của quá khứ, hòa giải và hàn gắn được người Việt Nam lại với nhau. Chỉ một chính quyền như vậy mới có thể có nổi hậu thuẫn của toàn dân để đem

lại trật tự an ninh và niềm tin, và để tổ chức cuộc hành trình của đất nước về dân chủ. Nhưng đảng cộng sản sẽ không chấp nhận giải pháp này. Họ đã chứng tỏ một sự ngoan cố ngoài mọi tưởng tượng trong quá khứ và đến giờ này họ đã quá yếu, có thể họ không còn ngay cả sức lực để nhượng bộ.

Điều có thể sẽ tới mặc dầu không ai muốn là quân đội sẽ nắm chính quyền. Trong trường hợp này quân đội sẽ xử sự như thế nào là tất cả vấn đề. Giải pháp này vừa tai hại cho đất nước lại vừa nguy hiểm cho chính đảng cộng sản. Quân đội hoàn toàn không có kinh nghiệm điều khiển đất nước và sẽ làm cho đời sống kinh tế, xã hội xáo trộn thêm. Quân đội cũng rất dễ bị cám dỗ bởi giải pháp giản đơn là dùng bàn tay sắt đàn áp mọi mầm mống bất mãn. Nếu có đôi chút sáng suốt, quân đội phải ý thức rằng, chính quyền mà họ tiếp nhận, ngay cả khi do đảng cộng sản trao lại, cũng chỉ có một sứ mạng chuyển tiếp, nghĩa là giữ trật tự an ninh và đảm bảo tiến trình dân chủ hóa. Quân đội sẽ còn thất bại nặng hơn cả đảng cộng sản nếu vẫn cứ khăng khăng ôm chặt lấy chính quyền như đảng cộng sản. Nếu những người cầm đầu quân đội cho rằng đây là cơ hội lịch sử để họ trở thành những người hùng thì họ sẽ làm một sai lầm lớn bịch và đẫm máu. Nếu đảng cộng sản với cả bộ máy hành chánh, công an, quân đội đã thất bại thì không có lý do gì một mình quân đội lại thành công nhất là quân đội ấy chỉ là một công cụ của đảng, do đảng chế tạo ra và từ trước đến nay chỉ biết phục tùng đảng. Những người cầm đầu quân đội phải hiểu rằng họ chỉ có một sứ mệnh duy nhất là chuẩn bị cho một chính quyền dân sự và dân chủ ra đời, rồi sau đó rút lui về cương vị bình thường của mọi quân đội.

Dân chủ là một điều quý giá vì thế mà các quốc gia dân chủ thực sự, phần lớn đều giàu mạnh và ổn vững. Nhưng dân chủ cũng là một điều khó khăn mới có vì thế mà mới chỉ có một số rất ít quốc gia dân chủ trên thế giới. Nếu chúng ta muốn có dân chủ, chúng ta phải phấn đấu cam go và chấp nhận trả cái giá cần phải trả. Tình huống mới đây rầy hiểm họa nhưng cũng là một cơ hội để các lực lượng thực sự dân chủ, thực sự tiến bộ thuộc mọi quá khứ kết hợp và vươn lên nắm lấy cơ hội làm nhiệm vụ lịch sử. Cuộc vận động lịch sử này đòi hỏi chúng ta phải sáng suốt và can đảm nhưng cũng đòi hỏi nơi chúng ta những tấm lòng, những tình cảm rất lớn. Chúng ta chỉ có thể cứu được đất nước nếu giấc mơ Việt Nam của chúng ta là một nước Việt Nam có nghĩa có tình, có chỗ đứng xứng đáng cho mọi người và cho mỗi người, một nước Việt Nam mà các thế hệ mai sau có thể yêu và có thể tự hào. Đất nước sắp biến động mạnh, và chính vào những lúc đất nước biến động mạnh mà chúng ta cần giữ cho được ước mơ, để giữ lấy niềm tin và hy vọng.

**Thông Luận**

## Số phận nào cho "Hiến Pháp Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam" ?

Trần Thanh Hiệp

Tiền nhân không để lại cho những người Việt Nam làm chính trị những truyền thống (bằng kiến thức, kinh nghiệm) khả dĩ bảo đảm cho họ thành công nên đất nước mới phải lâm vào tình trạng đen tối như ngày nay. Nhưng từ buổi rạng đông của lịch sử, tiền nhân đã để lại cho con cháu những lời căn dặn rất rõ ràng theo đó "vật có gốc có ngọn, việc có đầu có cuối" và "biết thì phải biết đến nơi đến chốn". Công bình mà xét, cái biết về chính trị của người Việt Nam quả thật chưa "đến nơi đến chốn". Việc tìm nguyên do của sự thiếu kém đó, nhất là để nài ra những "trường hợp giảm khinh" không cần thiết, ít ra trong lúc này. Điều quan trọng là nên sớm ý thức được căn bệnh để lập chí mà chữa trị. Vấn hay hai ba thế hệ là một độ dài không đáng kể trên dòng lịch sử bốn ngàn năm. Tuy nhiên 45 năm vừa qua - khoảng thời gian để cho hai nước bại trận của đệ nhị thế chiến trở lại địa vị những đại cường quốc đứng hàng đầu trên thế giới, cho nhiều nước nhược tiểu, chia cắt, tiến lên sánh vai cùng các cường quốc - đã chỉ được người Việt Nam dùng để phung phí mọi nguồn sinh lực quốc gia, ném qua cửa sổ hiện tại, cầm thế cả tương lai để đuổi bắt những hư danh đủ loại...

Thời đại mới đang mở ra cho người Việt Nam một cơ hội hiếm có để tỉnh ngộ, sửa đổi những sai lầm, phục hưng xứ sở bằng một giải pháp chính trị mới, chấm dứt cảnh địa ngục trần gian "xã hội chủ nghĩa" và thử một lần tổ chức đất nước thành một quốc gia thanh bình, thật sự có tự do dân chủ.

Để cho việc làm này "có gốc có ngọn, có đầu có cuối" họ phải bắt đầu từ chỗ bắt đầu nghĩa là phải đặt vấn đề "Hiến Pháp" vì hiến pháp là đạo luật cơ bản, tối thượng chi phối sinh hoạt chính trị của một quốc gia. Dù muốn hay không muốn, hơn 60 triệu người Việt ở trong nước đang phải chịu sự chi phối của một văn kiện có tên gọi "Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam (CHXHCNVN)". Muốn đưa đất nước ra khỏi áp bức, nghèo túng, lạc hậu cần phải có những quyết định nào về văn kiện đó?

Duy trì không sửa đổi hay duy trì với ít nhiều sửa đổi hay bãi bỏ hẳn "Hiến pháp CHXHCNVN"? Đó là những vấn đề không thể lẩn tránh dù dưới lý do nào, là những câu hỏi không thể trả lời một cách chiếu lệ cho qua chuyện hay tri tình gian dối hay lý luận bừa bãi vô trách nhiệm. Vì lần này người Việt Nam không có quyền sai lầm nữa.

Nói chung, đặt và giải quyết vấn đề hiến pháp đương nhiên có nhiều khó khăn đặc biệt về các mặt pháp lý và chính trị. Nhưng với người Việt Nam, trong hiện tình,

những khó khăn lớn nhất lại là những khó khăn về mặt tâm lý. Người thì căm bần, người thì cho rằng bản không ích lợi gì, người thì coi hiến pháp mới như chiếc đũa thần có thể chớp mắt biến nước Việt Nam "xã hội chủ nghĩa" thành một thiên đường dân chủ.

Trước khi vào vấn đề, thiết tưởng nên thanh toán một số những khó khăn tâm lý ấy.

### Hai mặc cảm đối nghịch cùng một bản chất

Trước hết là mặc cảm "chống" có chấp, máy móc (systématique). Mặc cảm này nằm trong lô-gích của "tâm lý chống cộng". Đã chống cộng sản thì đương nhiên phải chống "hiến pháp" của cộng sản không cần biết hay dở. Đó là điều rất thuận lý, rất đơn giản nhưng chỉ về mặt tình cảm mà thôi. Không thể trách những người thù ghét cộng sản đã máy móc chống cộng sản. Tuy nhiên tâm lý "chống" ấy đã hết đơn giản khi nó rời địa hạt tình cảm để bước vào địa hạt chính trị. Nó trở thành một "mặc cảm" bao gồm nhiều tâm lý không đồng nhất có khi trái ngược nhau như "tự ti" lẫn với "tự tôn". Người chống cộng hay có xu hướng coi chỉ có mình "dám", "biết" chống và hề thấy ai nghĩ khác, làm khác mình liền kết tội là "không chống". Ít người chịu nhìn nhận rằng thái độ chống cộng nhiều khi bắt nguồn từ một tâm lý "tự ti" là tâm lý cảm thấy mình thua sút cộng sản về "thủ đoạn gian ác", về "số đông", về "quyết tâm", v.v... Nhưng không lẽ cứ mang mãi trong mình tâm trạng sút kém, bất lực nên phải lấy một tâm lý "tự tôn" coi mình hơn cộng sản đồng thời làm gia tăng tâm lý "tự tôn" ấy bằng tâm lý khinh rẻ những ai bị tình nghi là "không chống cộng". Đó là hiện tượng đang diễn ra trên hai lãnh vực văn nghệ và chính trị của cộng đồng người Việt ở ngoài nước. Chắc chắn nó cũng sẽ diễn ra trên lĩnh vực luật học để làm cho việc thảo luận về "hiến pháp của cộng sản" bị mất hết tính cách khách quan của một cuộc khảo sát khoa học.

Đối nghịch với mặc cảm "chống" là mặc cảm "giữ" của những người cộng sản còn cố chấp hơn, máy móc hơn mặc cảm của những người chống cộng. Đối với những người cộng sản "Hiến pháp nước CHXHCNVN" là một thành quả của "nửa thế kỷ đấu tranh cách mạng" không ai được động đến. Tâm lý "tự tôn" của người cộng sản đã khiến cho họ coi thường những người không cùng chính kiến với họ là "ngụy", "phản động", "cực đoan, hỗn loạn", "gián điệp", "tay sai ngoại bang", "phản cách mạng", v.v... và bất cứ một nhận định nào của những người này về hiến pháp cũng đều là một âm mưu đánh phá chế độ. Hơn nữa chủ nghĩa

"Mác-Lê Nin", đỉnh cao trí tuệ lại được "Đảng cộng sản Việt Nam vận dụng một cách sáng tạo", là cơ sở tinh thần, bó buộc soi đường cho "Hiến pháp nước CHXHCNVN". Vậy không thể có vấn đề xét lại hiến pháp. Mặt khác chỉ có "Quốc hội mới có quyền sửa đổi Hiến Pháp", chừng nào chưa có "hai phần ba tổng số đại biểu của Quốc hội biểu quyết tán thành" thì chưa thể có sửa đổi hiến pháp. Tâm lý "tự tôn" ấy chẳng qua cũng để che dấu tâm lý "tự ti" của những người cộng sản vì họ biết chắc rằng nếu để cho dân chúng tự do lựa chọn thì nhất định là cái chế độ mà họ đang ra sức áp đặt sẽ sụp đổ. Bởi vậy thêm vào các tâm lý tự tôn, tự ti lại còn có tâm lý "trọng pháp" giả tạo, bề ngoài coi Hiến Pháp như một thứ gì rất thiêng liêng bất khả xâm phạm nhưng bề trong thì dấy xé lên nó hàng ngày.

Hai mặt cảm "chống" và "giữ" tuy ở hai đối cực nhưng có chung một bản chất đó là bản chất "bảo thủ". Người chống thì ôm gối mộng đuổi theo hình bóng của một xã hội lý tưởng mà họ mơ ước nhưng không có khả năng tạo dựng. Người giữ thì muốn bám chặt lấy một xã hội trì trệ, ngày một suy tàn mà họ không có khả năng cải tạo nhưng lại sợ bị mất.

Chính trị ngày nay đã thay đổi từ bản chất đến cứu cánh. Nó không còn là sự thừa hành một thiên mệnh hay những thủ đoạn cướp quyền, cầm quyền hay sự tôn sùng không điều kiện một chủ nghĩa, một đảng, một cá nhân. Nó là khả năng thiết kế để chấp hành nhân sinh. Nếu có chủ nghĩa, có đảng thì lấy chủ nghĩa, lấy đảng để phục vụ con người chớ không làm ngược lại lấy con người phục vụ chủ nghĩa, phục vụ đảng.

Lịch sử ở Việt Nam vẫn còn bị bế tắc trong khi ở khắp nơi đang được khai thông là vì hai mặt cảm "chống" và "giữ" vẫn còn tiếp tục tranh chấp nhưng trong những vị trí án binh bất động, không có giao tranh thực sự để tạo nên những biến động xã hội. Trong khi đó xã hội đã thay đổi nội dung nhân xã của nó. Những thế hệ của thời kỳ "quốc cộng" tử chiến đang ở vào cảnh hoàng hôn, mãn chiều xế bóng. Nhiều thế hệ trẻ đã ra đời và đang lớn lên trong những môi trường không thù hận. Dân tộc Việt Nam đã mở rộng không gian sinh tồn của mình ra khắp năm châu bốn bể. Một nước Việt Nam mới phải được dựng lên trên những hoang tàn của mấy thập niên nội chiến, đảng tranh khuấy động một cuộc sống còn mang nặng tính chất xã thôn.

Đã tới lúc cả hai phía phải rũ bỏ được mặt cảm của mình vì ngoại cảnh đã thay đổi. Và sự từ bỏ này phải được thực hiện trong một viễn tượng không kẻ thắng người thua, nghĩa là phải được hội nhập trong một dòng suy nghĩ về số phận, về tương lai trước mắt chuẩn bị cho tương lai lâu dài của dân tộc. Dòng suy nghĩ đó là một "tư duy chính trị" (pensée politique) phê phán một cách công bằng và khách quan chính sự Việt Nam từ sau đệ nhị thế chiến đến nay đồng thời thử mở ra một xuất lộ mới cho Việt Nam đi vào hòa bình, tiến bộ. Cụ thể, trước mắt phải đánh giá cho đúng là "Hiến pháp nước CHXHCNVN" vì những người cộng sản Việt Nam đang dùng văn bản này để ngăn cản mọi thay đổi.

### Hiến pháp và chủ nghĩa hiến pháp.

Trước khi nhận định về "Hiến pháp nước CHXHCNVN", cần phải xác định công cụ phân tích và cách xem xét vấn đề. Thiết tưởng không nên tiếp tục làm công việc của một hai luật gia "chống cộng chân chính" (nhưng sơ đẳng?) chỉ để tâm chú giải các điều khoản của văn bản cộng sản rồi đưa ra những lời phê bình mà ai cũng đã đoán trước được. Làm như vậy chỉ là để cho những người chống cộng "nhàn lăm" và "nhàn đảm" với nhau. Ta hãy cố gắng mở rộng đối thoại tới những người cộng sản, dĩ nhiên tới những người muốn nghe, còn những người chỉ muốn bung tai thì nói riết cũng có ngày phải chuyển. Và lại còn phải giúp cho dân chúng sống trong lòng chế độ thoát khỏi huyền hoặc cộng sản.

Hiến pháp là một đề tài được luật học lấy làm một đối tượng nghiên cứu chuyên biệt do đó đã có ngành luật hiến pháp. Mấy thập niên gần đây ngành này lại được sự tiếp sức của chính trị học, xã hội học nên đã có thêm nhiều khám phá về hiến pháp.

Việc chỉ có thể làm được trong khuôn khổ bài này là định rõ thực chất của "Hiến pháp nước CHXHCNVN" dưới ánh sáng của luật học và chính trị học. Muốn vậy sơ bộ phải nói qua về hai danh từ "hiến pháp" và "chủ nghĩa hiến pháp".

Nếu tìm hiểu nguồn gốc từ ngữ thì hai chữ "hiến" và "pháp" không giúp cho ta nắm trọn được nội dung vấn đề hiến pháp đang phải đặt ra. Hiến là yết các điều pháp luật để mọi người biết mà theo. Hiến pháp là phép lớn, phép căn bản (căn bản đại pháp) qui định quyền hạn, nghĩa vụ của người cai trị và bảo đảm quyền cho hạn người dân. Chữ hiến pháp của Tàu đã được dùng để dịch chữ "constitution" của Anh, của Pháp. Theo giáo sư đại học người Pháp tên Paul Bastide, chữ "constitution" của Pháp có tới tám nghĩa khác nhau nhưng cho tới thế kỷ thứ 17 thì từ này đã được chính thức dùng để chỉ một đạo luật căn bản qui định thể chế chính trị và làm gốc cho các luật thường. Sự thực tư tưởng hiến pháp ở phương đông cũng như ở phương tây đã có từ lâu. Trong sách Thất Pháp của Quản Tử đời nhà Tề đã có đoạn nói về hiến pháp (hữu nhất thể chi trị, cố năng xuất hiệu lệnh, minh hiến pháp hi\*). Thế kỷ thứ ba trước công nguyên, Aristote đã lấy hiến pháp làm cơ sở để nghiên cứu và so sánh các chính thể. Trong những bước khởi đầu, tư tưởng hiến pháp còn mang nặng tính chất thần quyền và siêu hình. Nơi thì coi người cai trị như là "sứ giả" của trời. Nơi thì cho rằng con người có những quyền tự nhiên và những quyền tự nhiên ấy là những giới hạn của các quyền lực của người cai trị. Nhưng đến thế kỷ thứ 18 thì tư tưởng hiến pháp đã ra khỏi thần linh và siêu hình và đã kết tinh thành một chủ trương độc lập theo đó phải có những văn kiện có hiệu lực ràng buộc cả những người cai trị. Thời điểm ấy có thể coi như buổi bình minh của chủ nghĩa hiến pháp, là nền tảng của những quốc gia pháp trị.

Tất nhiên là tùy theo điều kiện đặc thù của mỗi nước mà hiến pháp nước này khác với hiến pháp nước kia. Sự khác biệt có thể ghi nhận ở ba phương diện, nguồn gốc, hình thức và nội dung. Về phương diện thứ nhất, người ta căn cứ vào



nguồn gốc của hiến pháp, nghĩa là vào quyền lập hiến, để phân biệt hiến pháp do một người (vua, dưới chính thể quân chủ lập hiến) hay một đảng hay toàn dân qui định và ban hành.

Về phương diện hình thức, người ta phân biệt hiến pháp thành văn (nghĩa là một hiến pháp ghi chép mọi điều khoản thành một văn bản) với hiến pháp bất thành văn nghĩa là không được ghi chép nhưng theo tiền lệ, cổ lệ. Ngoài ra còn có hiến pháp mềm dẻo, dễ sửa đổi, khác với hiến pháp cứng rắn, khó sửa đổi. Sau hết, đặc tính của chế độ tùy thuộc ở nội dung hiến pháp. Tự thân danh từ, hiến pháp không đồng nghĩa với dân chủ, nhiều nước độc tài mà vẫn ban hành hiến pháp.

Vì vậy muốn nhận định về giá trị pháp lý của một bản hiến pháp, ngoài hình thức văn từ còn cần phải xét cả về tinh thần, nhất là về những bảo đảm để nó được thực sự thi hành. Tư tưởng hiến pháp hiện đại đã tiến xa khỏi giai đoạn hiến pháp hình thức bánh vẽ chỉ nhằm tuyên xưng các nguyên tắc cao đẹp, những lời hứa lý tưởng không có cơ thực hiện. Ngoài cơ chế của chế độ, nó còn trừu tượng những thủ tục kiểm soát quyền của chính phủ, phân chia rõ rệt quyền hành giữa các cơ cấu chính quyền và ngăn ngừa mọi lạm quyền của những người cầm quyền, bảo đảm thực tế và cụ thể sự tôn trọng các quyền cơ bản của người dân. Tất cả những mối quan tâm đó cùng những biện pháp nhằm thực thi chúng hợp thành cái gọi là "chủ nghĩa hiến pháp" (constitutionalism).

Dưới lăng kính của chủ nghĩa hiến pháp, đạo luật cơ bản và cao nhất của chế độ cộng sản đương hành tại Việt Nam, "Hiến pháp nước CHXHCNVN" đáng được đánh giá như thế nào? Nếu chỉ đứng về phía chống cộng mà trả lời thì câu trả lời ai cũng biết trước rồi. Hoặc nếu những người chống chính quyền mà đòi lại được chính quyền thì dĩ nhiên hiến pháp đương hành phải bị bãi bỏ. Chính tình nước nhà trước mắt chưa có điều kiện để được giải quyết theo chiều hướng đó và cũng chưa có ai đoán được chừng nào thì tình hình mới chín mùi. Trong khi chờ đợi mọi sáng kiến sửa đổi hay bãi bỏ hiến pháp trên lý thuyết đều ở phía những người cộng sản đang cầm quyền. Trong lô-gích cộng sản, cần phải có những quyết định nào đối với hiến pháp 1980 để tìm lối thoát cho cuộc khủng hoảng chủ nghĩa xã hội không thể tránh khỏi ở Việt Nam?

#### "Hiến Pháp nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam": hiến pháp chuyên chính vô sản.

Ngày 18-2-1980, hồi 15 giờ 25 phút, ban dự thảo hiến pháp mới đã được Quốc Hội cộng sản thông qua và sau đó được ban hành dưới danh xưng "Hiến pháp nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam". Hiện nay văn bản này đang chi phối sinh hoạt chính trị ở trong nước. Mọi thay đổi quan trọng sinh hoạt chính trị này đều phải phù hợp với tinh thần cũng như văn từ của văn bản ấy vì nó là một đạo luật có hiệu lực pháp lý cao nhất. Như vậy nếu những thay đổi không đến từ ngoài chế độ và nếu tự trong chế độ không lấy sáng kiến thay đổi lớn thì mọi chuyện rút lại cũng vẫn "y cựa" (như xưa).

Có hai lý do khiến bàn về bản hiến pháp này trong tình thế hiện nay không nên là một cuộc tranh luận thuần túy pháp lý dù rằng hiến pháp là một đề tài chủ yếu pháp lý. Trước hết sự cấp bách của những đòi hỏi phải thay đổi tận gốc rễ sinh hoạt chính trị để đưa đất nước ra khỏi thảm trạng áp bức, nghèo đói, lạc hậu không cho phép người Việt Nam đứng trên "chiến tuyến" nào phụng phỉ thêm nữa thời giờ để chỉ bàn cãi suông.

Phải nhìn ngay cho rõ vấn đề và phải tìm ra cách giải quyết vấn đề. Mặt khác, đối với cộng sản Việt Nam, không thể đặt vấn đề luật pháp trên cơ sở luật học phương tây, luật học các nước tự do dân chủ. Họ gọi bản hiến pháp 1980 của họ là một đạo "luật" nhưng kỳ thực đó chỉ là một công cụ họ dùng để thực hiện đường lối chính trị cách mạng vô sản đang ở giai đoạn chuyên chính vô sản. Cho nên bàn về hiến pháp 1980 là bàn về một vấn đề chính trị, hay đúng hơn nữa, là bàn về một văn bản pháp lý dưới góc độ chính trị.

Nói theo cách nói kinh điển, người ta có thể có hai cách đọc (lectures) bản hiến pháp 1980, đọc từ bên ngoài và đọc từ bên trong. Nhưng nói một cách nôm na thì là sự phân biệt giữa xác và hồn của văn bản đó. Xác nó là luật, hồn nó là chính trị.

Thật vậy, bản hiến pháp 1980 có một bộ mặt sơn phấn nhằm chứng minh rằng nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam là một quốc gia pháp trị vì nó đã ban hành một bản hiến pháp thành văn gồm có 12 chương, 147 điều qui định rõ ràng chế độ chính trị (từ điều 1 đến điều 14), chế độ kinh tế (từ điều 15 đến điều 36), các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, cách tổ chức và điều hành bộ máy Nhà Nước v.v... Người cộng sản cũng không quên làm dáng, tô cho nó một nét sơn trên môi nơi hai điều 146, (hiến pháp nước CHXHCNVN là luật cơ bản của Nhà Nước, có hiệu lực pháp lý cao nhất. Mọi văn bản pháp luật khác phải phù hợp với Hiến Pháp) và điều 147 (chỉ Quốc Hội mới có quyền sửa đổi Hiến Pháp. Việc sửa đổi Hiến Pháp phải được ít nhất là hai phần ba tổng số đại biểu Quốc Hội biểu quyết tán thành...). Tuy cứng rắn nhưng hiến pháp 1980 có thể sửa đổi được. Lời mở đầu của nó với lối nói huênh hoang quen thuộc của cộng sản nhằm trình bày hiến pháp này như một thành quả của nửa thế kỷ đấu tranh cách mạng để tạo cho nó một trọng lượng lịch sử, biến những người cộng sản thành kết tinh của dân tộc trải qua bốn ngàn năm lịch sử. Lời mở đầu này, đi đôi với rất nhiều lời hoa mỹ trong các điều khoản đã dựng nên một bảng hiệu "dân chủ xã hội chủ nghĩa" do một Nhà Nước của công nhân thực hiện trong vùng Đông Nam Á.

Cái vỏ dân chủ ấy chỉ đánh lừa được một số luật gia người ngoại quốc chuyên làm công việc chú giải để đánh giá nội dung.

Việc đánh giá hiến pháp 1980 phải dựa vào linh hồn của nó là chủ trương, đường lối của đảng cộng sản Việt Nam. Có thể khẳng định ngay một điều mà không sợ bị chỉ trích là nói vu vơ: đó là "Hiến pháp nước CHXHCNVN" là một thủ đoạn chính trị nhằm tổ chức nền chuyên chính vô sản không thời hạn cho đảng cộng sản Việt Nam. Nghiên cứu các văn liệu cộng sản, người ta thấy ngay kỹ thuật lý luận của cộng sản là trước hết đưa ra một tiền đề rồi thêm bớt để biến tiền đề ấy thành định đề rồi thành những giáo điều được bảo vệ bằng bạo lực.

Hãy chọn ba điểm chính trị cơ bản trong hiến pháp 1980 để xếp loại nó dưới ánh sáng của luật hiến pháp.

#### 1-Quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động.

Theo điều 3 của hiến pháp 1980, "ở nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, người chủ tập thể là nhân dân lao động". Nhưng theo điều 4, người lãnh đạo nước không phải là người chủ tập thể mà là "đảng cộng sản Việt Nam, đội tiên phong và bộ tham mưu chiến đấu của giai cấp công nhân Việt Nam, được vũ trang bằng học thuyết Mác-Lê Nin, là lực lượng duy nhất lãnh đạo Nhà Nước, lãnh đạo xã hội...". Mặt khác, người làm chủ chẳng những bị lãnh đạo mà cũng không được quản lý xứ sở mà phải để cho Nhà Nước quản lý như điều 12 đã định: "Nhà Nước quản lý xã hội

theo pháp luật và không ngừng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa...". Cả ba điều khoản đó hợp lại thành một cơ chế bảo đảm cho đảng cộng sản Việt Nam nắm độc quyền nhưng theo công thức chia quyền ngoài mặt "đảng lãnh đạo, nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ". Tuy hiến pháp 1980 có trừu tượng ba hình thức để nhân dân làm chủ đất nước (làm chủ thông qua Quốc Hội, bằng các tổ chức xã hội và bằng sự tham gia trực tiếp vào công việc nhà nước trong đó làm chủ bằng nhà nước là chủ yếu) nhưng luật cơ bản này lại im lặng hoàn toàn về sự chi phối, lũng đoạn của Đảng đối với tất cả các cơ cấu của nhà nước, các tổ chức của xã hội. Đảng nằm trong Nhà nước, Đảng nằm trong các đoàn thể v.v... ở đâu không có cơ sở của Đảng? Ngoài ra Đảng lại còn có công an, quân đội, tòa án, báo chí. Nhân dân lấy gì để làm chủ nếu không dựa vào Đảng, mà đã phải dựa vào Đảng thì sao còn làm chủ được Đảng?

### 2-Tập trung dân chủ.

Điều 6 của hiến pháp 1980 định rằng "Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp và các cơ quan khác của Nhà nước đều tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ". Tập trung dân chủ là một sự thể hiện của chế độ tập quyền. Trong khung chế độ chính trị tại Việt nam, tập trung dân chủ là một thủ đoạn nhằm tập trung mọi quyền hành vào tay đảng cộng sản và tất cả những cơ sở của nó. Ở ngoại vi, có thể có những hình thức sinh hoạt dân chủ trực tiếp như bầu (bầu Quốc hội, các Hội đồng nhân dân, v.v...) nhưng quyết định tối hậu vẫn thuộc về trung ương nghĩa là đảng và ngoại vi phải tuân theo quyết định ấy trong tinh thần dân chủ tập trung.

### 3-Chuyên chính vô sản.

Điều 2 của hiến pháp 1980 xác định rằng "Nhà nước Cộng hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam là nhà nước chuyên chính vô sản". Tuy là nền chuyên chính của Nhà nước nhưng Đảng lãnh đạo Nhà nước vậy thì đó là quyền chuyên chính vô sản do đảng nắm, thông qua các cơ sở khắp mặt của đảng và các tổ chức nhân dân bung xung.

Ta không cần mất công đối chiếu các khái niệm về luật học để chứng minh rằng chuyên chính không thể đi đôi với dân chủ tự do mặc dầu người cộng sản vẫn cố tình biện bạch để nói rằng "dân chủ" của họ khác hẳn dân chủ tự do "một trời một vực".

Ta có thể khẳng định ngay rằng cộng sản Việt Nam từ 1980 đến nay đã áp đặt lên đầu lên cổ đồng bào một loại độc tài đảng trị mà chính tại nơi sản xuất ra nó - nước Nga - cũng đã vứt bỏ. Hiến pháp 1980 là một tờ tuyên cáo đảng quang của những bạo chúa cộng sản còn phong kiến hơn các vua chúa trước đây ở Việt Nam. Những người cộng sản ý thế có bạo lực đã cướp đoạt quyền trên cả nước. Họ hy vọng là với thời gian họ sẽ tẩy xóa được hành động tiếm đoạt lịch sử của họ.

Đảng cộng sản Việt Nam dường như không muốn tiếp thu các bài học đổi mới ở khắp nơi. Họ mang tâm trạng ếch ngồi đáy giếng và lý luận kiểu kiến bò miệng chén. Cho nên cuộc đối thoại với cộng sản là cuộc đối thoại giữa đầu sông và cuối sông. Những người cộng sản bảo thủ hiện nay đang ở cuối sông cùng với những người cộng sản đổi mới, những người chống cộng. Giữa đầu sông và cuối sông đã có một khoảng cách rất xa, khoảng cách từ lý tưởng, lý thuyết đến thực tế. Những người cộng sản bảo thủ, mỗi khi bàn về thực tế, đều trở lại đầu sông để lý luận vì ở đầu sông họ có sẵn một số phạm trù, khái niệm để dùng làm tiền đề đi biến thành định đề và áp đặt như những giáo điều.

Họ dựa vào phạm trù "chuyên chính vô sản" mà Karl Marx đã

đề xuất và Lenin đã tu chỉnh. Karl Marx phỏng theo mô hình công xã Paris để chủ trương chuyên chính vô sản vì khám phá thấy cách cai trị của 72 ngày(\*) công xã này vừa lập được một chính quyền vô sản, lại vừa làm tiêu vong được nhà nước đang cầm quyền. Nói khác đi, chuyên chính vô sản trong tư tưởng Marx đã bao hàm ý nghĩa tiêu vong nhà nước như là một bước nhảy vọt từ lượng sang phẩm. Lenin đã tách tư tưởng của Marx làm hai phạm trù riêng biệt "chuyên chính vô sản" và "tiêu vong nhà nước" và dùng "Đảng" để củng cố nhà nước cho đến khi nó có đủ điều kiện tiêu vong. Sau Lenin, Stalin lại còn biến "chuyên chính vô sản" thành "chuyên chính" của một chính quyền cộng sản trong một nước nhất định. Nó không mang tính chất thuần túy "vô sản" nữa, bởi lẽ đối ngoại, chuyên chính này đã bắt tay với tư bản.

Vào thời điểm mà đảng cộng sản Việt Nam bắt đầu cầm quyền thì cuộc tranh luận về chuyên chính vô sản đã ngã ngũ, tuy trong thực tế, Stalin đã chiếm được ưu thế.

Nhưng vì trình độ giác ngộ về tư tưởng mác-xít của những người truyền bá nó vào Việt Nam rất giới hạn và ngay từ đầu đã đi vào con đường giáo điều nên đảng cộng sản Việt Nam chỉ nhắm mắt theo dòng Lenin-Stalin, rồi Mao Trạch Đông.

Trở lại đầu sông, những người cộng sản Việt Nam bảo thủ chỉ đứng ở bên Lenin và chấp trụ phạm trù "chuyên chính vô sản" của Lenin để biện minh cho chủ trương độc chiếm quyền hành, từ chối mọi đổi mới bác bỏ nhất nguyên độc đảng để chấp nhận đa nguyên đa đảng.

Những người cộng sản bảo thủ này vẫn tự cho là mình đã xử sự một cách khoa học tiến bộ. Nhưng khoa học là quan sát với một tinh thần khách quan và có thử nghiệm thực tế khách quan. Thực tế ấy không ở đầu sông mà ở cuối sông và không thể chụp bắt được bằng những phạm trù, khái niệm đã xơ cứng, đã hóa thạch của Marx và Lenin. Tiếp tục bám vào những phạm trù, khái niệm ấy là không chịu tìm biết đến nơi đến chốn sự việc. Thực tế ấy ở Việt Nam cho thấy "chuyên chính vô sản" chỉ là một định đề mà những người cộng sản một mực áp đặt tuy đã chẳng còn lý lẽ nào có giá trị để bảo vệ thái độ. Hiến pháp 1980 là công cụ để cho đảng cộng sản Việt Nam thể chế hóa nền "chuyên chính vô sản" mà thực tế đã minh chứng chỉ là một bộ máy đàn áp nhân dân.

Tự thân nó hiến pháp này không có một chuẩn tắc pháp lý để mang lại cho những người cầm quyền cộng sản bất cứ một chính thống nào. Nó là một văn bản có sẵn trong nó một tí vết ngay từ khi nó ra đời, tí vết của một hành động tiếm đoạt lịch sử: một tuyệt đại thiểu số (tập đoàn lãnh đạo cộng sản) tự mình cho quyền mình biến thành tuyệt đại đa số, hành sử quyền lực của tuyệt đại đa số nhưng lại để đi ngược lại quyền lợi chính đáng của cả nước.

Số phận của hiến pháp 1980 vì thế, đã được quyết định. Nó không còn lý do để tồn tại nữa. Trong quá trình đổi mới để phục hưng đất nước, hiến pháp là một khâu khởi đầu ít đất giá nhất. Những người cộng sản bảo thủ dư biết điều này nhưng vẫn muốn bỏ qua khâu hiến pháp để câu giờ mong cứu vãn một tình thế ngày càng vô vọng đối với họ, nhưng lại là một thách đố ngày càng ngang ngược đối với dư luận quốc tế, nhất là đối với nhân dân.

Trần Thanh Hiệp

(\*) từ 18-3-1871 đến 28-5-1871.

## Câu chuyện dầu lửa

Nguyễn Văn Huy

OPEP, thành lập từ năm 1960, là tổ chức của những quốc gia xuất cảng dầu lửa, có mục đích bảo vệ quyền sở hữu và quyền khai thác những giếng dầu. Lúc ban đầu OPEP qui tụ được năm nước : Iraq, Iran, Saudi Arabia, Kuwait và Venezuela. Trong giai đoạn này OPEP đã tạo được một sức đối trọng rất đáng kể để đối đầu với tám công ty khai thác dầu lớn nhất thế giới (Exxon, Royal Dutch, Shell, Texaco, BP, Standard Oil Company, Mobil Oil, Gulf Oil Corporation). Tám đại công ty dầu lửa quốc tế này đã đìm giá dầu thô giảm từ -8% năm 1959 đến -10% năm 1960.

Những năm sau có một số các quốc gia sản xuất dầu lửa khác xin gia nhập: Qatar, Lybia, Indonesia, Algeria, Nigeria, Ecuador, Gabon, v.v... OPEP đã mất đi sự thống nhất của buổi ban đầu vì những vấn đề riêng khiến họ đã đưa ra những quyết định không đồng nhất về khai thác và giá bán. Giá dầu thô đã không tăng trong suốt 20 năm: 1,8 USD (đô-la Mỹ) một thùng năm 1950, 1,9 USD một thùng dầu thô từ 1960 đến 1970. Nói chung vai trò của OPEP không có gì là quan trọng trong suốt thời gian này.

Vào những năm 70, vai trò của OPEP trở nên đặc biệt quan trọng và cũng trong thời gian này, nhiều quốc gia sản xuất dầu Ả Rập thành lập một tổ chức thứ hai lấy tên là OPAEP và đã tỏ ra có bản lĩnh gây áp lực với các cường quốc tây phương. Từ đó OPEP, ngoài chức năng điều hòa nhịp độ khai thác dầu thô, còn là một công cụ chính trị của các quốc gia sản xuất dầu lửa trên thế giới.

Ngày 17-10-1973, tức 11 ngày sau khi quân đội Do Thái tấn công chớp nhoáng làm tê liệt toàn bộ quân lực của liên minh Ả Rập tại Kippur, OPEP đã quốc hữu hóa các giếng dầu và cấm vận dầu thô đến các quốc gia ủng hộ Do Thái, trong đó có Hoa Kỳ, Hòa Lan, Nam Phi, Portugal, v.v... Biện pháp này đã gây một hiệu quả tức thời. Năm 1974, giá dầu thô đã gia tăng kỷ lục: từ 1,7 USD lên 17 USD một thùng. Vào năm 1979 một cuộc khủng hoảng thứ hai do OPEP gây ra đã khiến giá dầu tăng đến mức kỷ lục 45 USD. Sau đó giá dầu thô đã giảm xuống nhưng vẫn ở mức trên 18 USD một thùng trước

khi có cuộc xâm chiếm Kuwait. Một tháng rưỡi sau biến động này, giá dầu đã lên tới 40 USD một thùng (ngày 25.9.90).

Dầu lửa là một sản phẩm chiến lược nhạy cảm và là một vấn đề nhức nhối đối với nền kinh tế của tây phương trong những thập niên 1980 và đầu 1990.

Những cuộc tranh cãi về giá dầu thô vẫn là đề tài thời sự quốc tế nóng bỏng và tây phương luôn luôn ở thế yếu. Trữ lượng dầu của tây phương không quá 10 năm (Bắc Mỹ) và có giá thành cao (18 USD/thùng) trong lúc trữ lượng dầu tại vịnh Ả Rập-Ba Tư được ước tính trên 100 năm. Trên bình diện kinh tế chính trị, tây phương bị lệ thuộc một phần không nhỏ vào dầu lửa. Saudi Arabia có trữ lượng 12 tỷ tấn, Kuwait 6 tỷ tấn, tương trưng 60% trữ lượng thế giới và có giá thành sản xuất thấp nhất (8 USD/thùng). Khi xua quân tiến chiếm Kuwait, Saddam Hussein đã đánh trúng vào yếu huyệt của tây phương.

Từ sau 1973, các cường quốc tây phương đã không ngừng can thiệp công khai hay ngầm ngầm qua những tranh chấp lãnh thổ, sắc tộc và quyền lợi của từng quốc gia trong vùng và OPEP đã không còn đồng nhất trước các vấn đề chiến lược. Saudi Arabia ngả hẳn về tây phương trước sự đe dọa quân sự của Iran và Iraq và tây phương cũng bằng mọi giá phải giữ vững vùng đất này. Thực sự thì các quốc gia sản xuất dầu lửa chỉ có một thị trường lớn là các cường quốc tây phương và Nhật Bản. Saudi Arabia cũng biết rõ điều này hơn ai hết nên đã không ngần ngại kêu gọi sự giúp đỡ của Hoa Kỳ, tây phương và các quốc gia khác trong liên minh Ả Rập bảo vệ mình. Tiểu vương quốc Kuwait là quốc gia giàu có nhất trong vùng, lợi tức đầu người trên 13.400 USD/một năm và là quốc gia yếu nhất về quân sự. Saudi Arabia là quốc gia giàu thứ hai sau Kuwait.

Cũng nhờ dầu lửa, các quốc gia sản xuất dầu, hôm qua còn sống trong nghèo khó nay bỗng nhiên trở nên giàu có, đã ý thức được thân phận và vai trò của mình. Những đồng đô-la-dầu-lửa (petrodollars) đã được sử dụng trong những mục tiêu khác nhau. Có quốc gia đã đổ hết vốn liếng đầu tư vào những đại công trình công nghiệp nặng, kiểu Liên Xô đầu thế kỷ XX, như Algeria, Nigeria và đã thất bại, dân chúng vẫn đói khổ. Có những quốc gia đầu tư vào quân đội bằng cách mua của tây phương và Liên Xô những loại vũ khí và quân cụ tối tân nhất để thỏa mãn những mặc cảm tự tôn như Lybia, Syria, Iran, Iraq, họ đã gây ra biết bao cuộc chiến tranh cục bộ, làm khổ sở và gây tang tóc cho hàng triệu người trong vùng. Có quốc gia quá dư thừa tiền như Kuwait, Saudi Arabia đã biết dùng nó đầu tư vào những hạ tầng cơ sở và mua chứng khoán của tây phương (90% tích sản của Kuwait nằm ở các trương mục ngân hàng tây phương).

Từ lâu Kuwait vẫn là miếng mồi ngon mà Iraq hằng ham muốn. Sau 1961, Iraq đã tìm cách sát nhập Kuwait,



khi vừa tuyên bố độc lập, vào lãnh thổ của mình. Tháng 3-1973, Saddam Hussein đã một lần xua quân tiến chiếm miền bắc xứ này và chỉ rút về nước tháng 7-1977. Khi tiến chiếm Kuwait lần thứ hai, ngày 2-8-1990, Saddam có nhiều chủ đích: Iraq cần tài nguyên dầu lửa của Kuwait, Iraq cần có một hải cảng để ra vào vịnh Ả-Rập-Ba-Tur, Kuwait trước kia là lãnh thổ của đế quốc Ottoman, tức của Iraq, mà người Anh đã cố tình chia để trị khi chiếm vùng đất này, và đặc biệt là để nắm được những tài sản khổng lồ của Kuwait được ước lượng trên 100 tỷ USD và tiện thể xoá bỏ món nợ xấp xỉ 30 tỷ mà Kuwait đã cho mượn trong cuộc chiến Iraq-Iran.

Nhưng Saddam đã không tiên liệu được sự nhất trí của thế giới về việc chiếm đóng trái phép này: phong tỏa kinh tế và bao vây quân sự Iraq. Nhà độc tài Iraq thấy cả hai siêu cường Nga và Mỹ đã hòa hoãn để lo xây dựng lại nền kinh tế của mình nên trong cơn điên loạn đã muốn đóng vai trò lãnh đạo khối Ả Rập bằng cách làm chủ 60% trữ lượng dầu thô. Trước những phản ứng của thế giới, Iraq đã tung ra nhiều giải pháp ngoạn mục: làm hòa với Iran (trả lại vùng đất đã chiếm Chatt al-Arab, trao trả tù binh), hô hào cuộc thánh chiến chống lại Hoa Kỳ, hăm dọa tây phương bằng vũ khí hóa học và khủng bố, bắt người tây phương làm con tin, đề nghị biểu không dầu lửa cho các quốc gia thuộc thế giới thứ ba và gần đây hăm dọa phá hủy tất cả mọi giếng dầu trong vùng nếu bị tây phương tấn công... Bất ngờ mà Saddam không dự liệu trước là đồng lòng của Liên Xô với Hoa Kỳ về những biện pháp phong tỏa kinh tế và áp lực quân sự của nhiều quốc gia.

Liên Xô là một quốc gia có mức sản xuất dầu lớn trên thế giới và hơn nữa những trữ lượng của Liên Xô cho đến nay vẫn chưa được kiểm kê một cách đầy đủ, nhưng theo các ước lượng của tây phương đó là một con số khổng lồ. Vì kỹ thuật khai thác dầu hiện nay còn ở mức thô sơ, cũng như năng suất lao động kém nên mức sản xuất của Liên Xô đã bị sút giảm trong những năm vừa qua. Mức sản xuất này chỉ đủ cung ứng cho nhu cầu trong xứ và xuất cảng sang các nước cộng sản. Cuộc họp thượng đỉnh giữa hai siêu cường Hoa Kỳ và Liên Xô tại Hensinki ngày 9 và 10-9-1990 đã giúp cả hai tìm được giải đáp. Hoa Kỳ yên tâm về việc phong tỏa kinh tế Iraq, giữ vững vai trò bảo vệ nền kinh tế tây phương và Liên Xô yên tâm về việc cải tiến kỹ thuật khai thác dầu lửa với một ngân khoản viện trợ 3 tỷ USD và một chương trình hỗ trợ kỹ thuật của Hoa Kỳ.

Dầu lửa vẫn còn đóng một vai trò quan trọng trong những thập niên sắp tới. Do đó cuộc khủng hoảng vịnh Ả-Rập-Ba-Tur mặc dầu có sự đồng thuận quốc tế vẫn chưa thấy một giải pháp nào ổn thỏa. Liên Xô và Hoa Kỳ cả hai phải nương tựa lẫn nhau để tìm thể chia quyền quản trị thế giới trong những thập niên tới.

*Nguyễn Văn Huy*

## Thực trạng và tương lai

*Nguyễn Anh Tuấn*

Trong bài "Vietnam, Hard Road To Peace" của phóng viên Peter White đăng trên tờ National Geographic, Washington, có những đoạn viết miêu tả thực trạng cái gọi là "Đổi Mới" ở Việt Nam như sau:

"Một viên tướng ba sao về hưu không đủ tiền sinh sống đã phải cho vợ đi bán thuốc lá rong ở một chợ rất xa để khỏi bê mặt với những người hàng xóm (...). Ông Nguyễn Văn Linh, tổng bí thư đảng CSVN đến thăm một cơ sở sản xuất tư nhân và khen ngợi nhà kinh doanh cá thể: "Anh đã sản xuất được ngày càng nhiều hàng hóa phục vụ cho thị trường trong nước và xuất khẩu, anh đã trở thành nhà tư sản đỏ. Điều đó có lợi cho anh, cho công nhân của anh và cho nhà nước (...). Anh đã đóng góp được nhiều cho sự nghiệp xây dựng XHCN (...)." Bộ trưởng Bộ Ngoại Giao Nguyễn Cơ Thạch nói: "Bây giờ chúng tôi đều nhất trí là chúng tôi cần có một nền kinh tế thị trường (...)."

Và dưới đây là một vài nhận xét có tính chất so sánh của ông Peter White:

"Bình quân thu nhập hàng năm tính theo đầu người ở Việt Nam là 100 đô-la Mỹ. Trong lúc đó chỉ trong vòng vài năm "Đổi Mới" có những kẻ đã giàu lên ghê gớm, tích lũy được hàng chục kí-lô vàng, hoặc giá trị bằng mấy chục vạn đô-la Mỹ. (...) Hàng nước ngoài tràn ngập thị trường, và công nhân cũng thất nghiệp hàng loạt. Thành phố Sài Gòn, Hà Nội đã trở thành những thị trường tiêu thụ hàng nước ngoài, và các loại tiệm ăn, tiệm nháy mọc lên như nấm, gái mãi dâm có tới hàng chục vạn (...)."

Có những gì còn đang vướng mắc trong tư tưởng nhiều cán bộ lãnh đạo nên người ta thấy có những vị cán bộ lãnh đạo mặt mũi hả hê khi đến dự buổi thi "Hoa Hậu" nhưng cũng có vị tỏ ra ngán ngẩm với cái trò hề "phồn vinh giả tạo". Có người khen đảng và nhà nước đã "Đổi Mới", đã cho phép các hoạt động văn hóa được nới rộng tự do, đã cho phục hồi vốn cổ dân tộc, cho phép nhân dân sửa sang lại những nơi cúng bái, nhà thờ và tế lễ nhang khói thật là náo nhiệt. Nhưng người ta cũng nêu lên những câu hỏi về những cái lỗ lã của cuốn phim "Số Đỏ" và cho rằng: có lẽ các nhà điện ảnh Hà Nội và Sài Gòn đã hiểu sai cái nội dung "Đổi Mới" của Trung Ương hay sao mà cho ra đời một bộ phim có hại cho phong hóa Việt Nam như vậy!"

Những con người cộng sản, như ông tướng ba sao nọ, phải cho vợ đi chợ xa bán thuốc lá rong để kiếm thêm tiền

sinh sống sẽ nghĩ gì về cái gọi là "Đổi Mới"? Những ông giám đốc bị thả hồi, phải đi bơm xe đạp để kiếm nhật từng đồng sinh sống sẽ nghĩ gì về chuyện lố lăng trong bộ phim "Số Đỏ"? Những công nhân trong giai cấp tiên phong lãnh đạo bị thất nghiệp sẽ nghĩ gì về cái lý thuyết tư bản giấy chết trước kia của những nhà lãnh đạo cộng sản và liệu có buồn lòng khi nghe ông tổng bí thư đảng ca ngợi nhà tư sản đổi mới ra đời đã đóng góp được nhiều cho sự nghiệp CNXH "Đổi Mới"? Đó là những cải cách kinh tế và chính trị có lợi cho sự nghiệp đấu tranh đòi tự do dân chủ, cải thiện đời sống nhân dân hay chỉ là một trò hề lừa bịp? "Đổi Mới" có phải chăng là chặng đường quá độ từ chủ nghĩa xã hội giấy chết chuyển sang chủ nghĩa tư bản hồi sinh? Đó là những bản khoán của nhiều người Việt Nam trong nước và ngoài nước. Nếu nhìn vào thực trạng toàn bộ nền kinh tế Việt Nam chắc rằng những ai quan tâm đến vận mệnh nước nhà sẽ không tránh khỏi bản khoán lo lắng. Nền công nghiệp trong nước không thể nào sản xuất nổi hàng hóa để cạnh tranh với hàng nước ngoài tràn vào như nước lũ. Hàng loạt xí nghiệp sản xuất hàng nội địa phá sản, đóng cửa. Công nhân thất nghiệp hàng loạt. Nếu nông nghiệp không có sự hỗ trợ của công nghiệp, của khoa học kỹ thuật thì nó sẽ nằm im tại chỗ không thể nhích lên được. Nếu một nền kinh tế quốc gia chỉ có nhập khẩu mà không có hàng xuất khẩu thì hậu quả của nó sẽ ra sao? Nếu những cán quân cộng sản, những người đã cống hiến cả cuộc đời cho Đảng mà nay trở về già với sự nghèo túng quần bách về kinh tế, với những mặc cảm về xã hội, họ sẽ nghĩ gì với cái gọi là "Đổi Mới" của Trung Ương?

Thực trạng nền kinh tế Việt Nam là một nền kinh tế bị thả nổi và các yếu tố tiêu cực xuất hiện nhiều hơn là tích cực. Vì đó không phải là một phương thức sản xuất mới nhằm cứu vãn nền kinh tế quốc dân đang trên đà suy thoái. Đó chỉ là những thứ phồn vinh giả tạo ở một số thành phố lớn như Hà Nội, Sài Gòn nhằm xoa dịu chút ít những cơn đau khủng khiếp của một nền kinh tế quốc dân đang đi vào cõi chết. Các tầng lớp nhân dân, những thành phần lao động cơ bản của xã hội như công nhân, nông dân, viên chức nhà nước đều sống rất nghèo và cuộc sống không có chút tương lai. Trong guồng máy nhà nước tạo thành những tập đoàn, những khuynh hướng bài xích lẫn nhau. Những kẻ tham ô, buôn gian bán lận thả sức làm giàu và chúng cấu kết lại với nhau thành những nhóm cùm, ù lì, ngoan cố, tham quyền, cố vị, chỉ biết tính đến lợi ích của cá nhân mà không có trách nhiệm gì đối với vận mệnh của non sông đất nước. Những con người trung thực, tử tế, hiền lành trong bộ máy nhà nước hoặc bị sa thải, cho về hưu non, hoặc bị đẩy đọa vào những cương vị thấp kém không quan trọng. Do đó trong nội bộ những người làm việc cho nhà nước XHCN đang hình thành hai lực lượng chống đối lẫn nhau. Một lực lượng của những con người giáo điều, ích kỷ, và một lực lượng của những người bị bạc đãi.

Nhưng như người ta thường nói, ở đâu người tốt vẫn nhiều hơn kẻ xấu. Nếu như những người tốt biết đoàn kết

lại với nhau cùng tranh đấu cho một mục đích cao cả thì sớm muộn họ sẽ giành được thắng lợi. Tình thế nước Việt Nam hiện nay đang rất khó khăn, nhưng cũng có những thuận lợi rất cơ bản có thể giúp cho những người dân chủ dân tộc lái được con thuyền quốc gia qua những thác ghềnh nguy hiểm. Những người lái con thuyền dân tộc vượt qua sóng gió hiện nay không phải là những tên cộng sản chuyên chính độc tài tàn ác và cũng không phải những kẻ điên cuồng dùng danh nghĩa chống cộng để chống phá tiêu diệt tất cả những ai không tán thành quan điểm của chúng. Cả hai nhóm quá khích kể trên đều là những chướng ngại trên đường tranh đấu của dân tộc ta. Chúng chỉ khơi dậy những hận thù, dấy lên những cuộc chém giết đổ máu trong lúc nguyện vọng thiết tha của nhân dân hai miền Nam Bắc là hòa bình đoàn kết tương thân cùng nhau xây dựng đất nước phú cường. Một điều hết sức rõ ràng là lực lượng dân chủ tự do ở trong nước sẽ là lực lượng chủ yếu làm thay đổi cục diện toàn quốc. Nhưng lực lượng dân chủ của những người Việt Nam ở nước ngoài là một lực lượng hết sức quan trọng góp phần thúc đẩy xã hội Việt Nam tiến lên.

Trước hết những người dân chủ ở Việt Nam phải gạt bỏ được lực lượng bảo thủ tham quyền cố vị thuộc guồng máy lãnh đạo trong nước. Đồng thời những người dân chủ ở hải ngoại cũng phải gạt bỏ được những phần tử cực đoan đang đi vào con đường tồi tệ băng đảng ra khỏi sân khấu chính trị của đồng bào yêu nước ở hải ngoại. Các lực lượng dân chủ Việt nam ở trong nước và ngoài nước sẽ hội nhập với nhau tạo thành một mặt trận đấu tranh cho một nền tự do dân chủ, tiến tới giành được chính quyền bằng con đường bầu cử tự do để thành lập một nhà nước Việt Nam hợp với nguyện vọng của nhân dân. Một khi chính thể Việt Nam là một chính thể dân chủ đa nguyên nhất định sẽ được ủng hộ và giúp đỡ của các nước yêu chuộng hòa bình dân chủ trên thế giới, và hàng ngàn con em Việt Nam du học ở nước ngoài, những chuyên gia, trí thức Việt Nam ở hải ngoại, sẽ nườm nượp kéo về để xây dựng lại đất nước. Người Việt Nam không phải chỉ giỏi đánh nhau như một số người làm tướng. Những người trí thức trẻ Việt Nam ở nước ngoài đã chứng minh được tài năng của chúng ta rất giỏi về khoa học kỹ thuật cũng như về quản lý kinh tế. Nhiều người Việt Nam ở ngoài nước đã thành công lớn trong thương mại cũng như trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật. Đó là những vốn quý của dân tộc ta, có đủ tiềm năng làm cho nước nhà chóng hồi sinh và tiến lên mạnh mẽ.

Có làm được những điều đó hay không còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố, nhưng cần phải nhấn mạnh rằng trào lưu của thế giới ngày nay và nguyện vọng tha thiết của nhân dân ta hiện nay đòi hỏi Việt Nam phải có những đổi thay lớn lao và cấp bách. Càng thay đổi sớm được bao nhiêu càng đỡ khổ cho dân tộc bấy nhiêu. Tất cả trái tim của dân tộc đang thao thức chờ mong một bình minh rực sáng của một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, tự do, dân chủ, độc lập, phú cường.

*Nguyễn Anh Tuấn*

## Trung Ương Đảng Cộng Sản Việt Nam từ nhiệm

Âm thầm nhưng căng thẳng là đặc tính của Hội Nghị lần thứ 9 (khóa VI) của Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng CSVN. Hội nghị này đã kéo dài hơn thường lệ, trong vòng 13 ngày từ ngày 16 đến 28-8-1990. Hội Nghị đã kết thúc với một nghị quyết dài không tới 200 chữ và một "thông báo" ngắn, khoảng 1880 chữ.

Hai văn kiện này cho thấy sự chia rẽ trầm trọng trong nội bộ đảng cộng sản. Mục đích chính của Hội Nghị Trung Ương Đảng lần này, cũng như của các hội nghị trước là để quyết định những chọn lựa cơ bản trình lên Đại Hội VII, được dự trù trong vòng 9 tháng nữa, vào tháng 6-1991. Nhưng hội nghị lần này cũng như các hội nghị trước đã thất bại.

Các chọn lựa cơ bản nằm trong hai văn kiện:

- Một dự thảo cương lĩnh chính trị do Tiểu Ban Dự Thảo Cương Lĩnh chịu trách nhiệm soạn thảo. Đứng đầu tiểu ban này là Nguyễn Văn Linh.

- Một dự thảo chiến lược kinh tế-xã hội do Tiểu Ban Dự Thảo Chiến Lược Kinh Tế-Xã Hội đệ trình, đứng đầu là Đỗ Mười.

Đĩ nhiên hai công tác này không có cùng một tầm quan trọng. Dự thảo cương lĩnh chính trị mới là trọng tâm. Nghị quyết cho biết các ủy viên trung ương đảng đã "cho nhiều ý kiến quan trọng bổ sung vào hai bản dự thảo trên". Đây là một cách văn hoa để nhìn nhận rằng đã có sự bất đồng ý kiến trầm trọng. Hai bản dự thảo sau đó đã không được chấp nhận vì Hội Nghị chỉ thị hai tiểu ban "căn cứ vào những ý kiến của trung ương hoàn chỉnh hai bản dự thảo".

Điều đặc biệt trầm trọng là mọi người đều đồng ý rằng Hội Nghị lần thứ 9 này là cơ hội cuối cùng để hòa giải các khuynh hướng mâu thuẫn nhau trong đảng. Chỉ còn 9 tháng nữa là đến ngày khai mạc đại hội VII. Bình thường dự thảo nghị quyết của một đại hội phải hoàn tất từ trên một năm trước đó, để các cấp địa phương còn có thì giờ học tập và đóng góp. Thấy được sự cam go của đại hội VII, Trung Ương Đảng CSVN lần này đã chia dự thảo báo cáo chính trị ra làm hai dự thảo để tách rời phần chuyên môn và phụ thuộc (kinh tế-xã hội). Sự thất bại của Hội Nghị Trung Ương lần thứ 9 là một sự kiện trầm trọng đối với đảng cộng sản.

Ban Chấp Hành Trung Ương đã gián tiếp tuyên bố tự giải tán bởi vì nó trao toàn quyền cho Bộ Chính Trị quyết định thời gian và phương thức công bố hai văn kiện nói trên "để lấy ý kiến trong đảng và trong nhân dân trước khi trình lên Đại Hội Toàn Quốc lần thứ VII của đảng".

Bản "Thông báo" tiết lộ rằng Tiểu Ban Dự Thảo Cương Lĩnh, do chính tổng bí thư Nguyễn Văn Linh điều khiển đã đệ trình tổng cộng 8 bản dự thảo cho đến giữa năm 1990 nhưng đều bị bác bỏ. Riêng bản dự thảo lần thứ 8 đã là chủ đề của các hội nghị Trung Ương Đảng lần thứ 3, 4, 5 và 6, nhưng vẫn không được thông qua. Sau đó bản dự thảo thứ 9 cũng không được thông qua trong các Hội Nghị kế tiếp (thứ 7 và thứ 8). Bản dự thảo lần này là bản dự thảo số 10 và đã chịu chung số phận với các bản dự thảo trước.

Bản "Thông Báo" cũng tiết lộ về không khí của hội nghị như sau:

"Ban Chấp Hành Trung Ương đã thảo luận, tranh luận sôi nổi, cho nhiều ý kiến quan trọng, có chất lượng cao cả về thực tiễn cũng như về lý luận". Câu này hàm ý là đã có bất đồng trầm trọng cả về nội dung lẫn hình thức và đã có đụng độ gay gắt giữa các

khuyh hướng.

Sự tranh chấp giữa các phe "bảo thủ" và phe "cởi mở" đã vô cùng dữ dội và đã đưa đảng cộng sản từ một tình trạng gần như giải thể sau Hội Nghị lần này. Có lẽ họ chỉ đồng ý với nhau được ở một điểm là chủ nghĩa cộng sản đã hết thời, cho nên trong Thông Báo cũng như trong Nghị Quyết đều hoàn toàn không có danh từ "cộng sản", hoặc "chủ nghĩa Mác-Lê Nin". Ngay cả cái tên của Đảng (Đảng Cộng Sản Việt Nam) cũng không thấy nêu ra nữa.

Trước đây Nghị Quyết, Thông Báo, Chỉ Thị, v.v..., lúc nào người ta cũng thấy ghi trình trọng là "của Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng Cộng Sản Việt Nam". Lần này 4 chữ Cộng Sản Việt Nam đã biến mất. Phải chăng đảng cộng sản Việt Nam đã mất tự tin đến nỗi không dám xưng tên thật của mình ra nữa?

## Đảng Cộng Sản lo sợ về tình hình kinh tế

Cái "phần vinh giả tạo" của năm 1989 và đầu năm 1990 đã hoàn toàn chấm dứt. Những ngôn ngữ lạc quan, thỏa mãn đã nhường chỗ cho sự lo sợ.

Thông Báo của Hội Nghị Lần Thứ 9 Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng (khóa VI) đã phản ánh nhận định của đảng cộng sản về tình hình kinh tế như sau:

"...Mấy tháng gần đây tình hình kinh tế xã hội có những diễn biến phức tạp và có những khó khăn mới.

...Nền kinh tế mất cân đối nặng, đất nước chưa thoát khỏi lạm phát và khủng hoảng.

...Tình hình kinh tế xã hội đang có một số thuận lợi nhưng vẫn còn nhiều khó khăn gay gắt, nếu không được khắc phục kịp thời chẳng những sẽ gây hậu quả xấu trong năm 1991 mà còn ảnh hưởng không tốt đến việc thực hiện kế hoạch 5 năm 1991-1995 và chiến lược phát triển kinh tế-xã hội dài hạn."

Về những lý do đưa đến tình trạng nguy ngập hiện nay, Hội Nghị phân tích hai loại nguyên nhân: khách quan và chủ quan.

Nguyên nhân khách quan: tình hình quốc tế đang biến động trong một chiều hướng bất lợi cho chế độ cộng sản (ý nói tới sự tan vỡ của khối COMECON, sự cắt giảm và có thể chấm dứt viện trợ Liên Xô), quá trình chuyển hướng qua kinh tế thị trường có "nhiều điều mới mẻ về quản lý" mà đảng cộng sản chưa biết.

Nguyên nhân chủ quan: quản lý và điều hành kém, tổ chức bộ máy công kênh và quan liêu, cán bộ thiếu khả năng và tham nhũng.

Những phân tích và nhận định trên tương đối chính xác. Kẹt một nỗi là đảng không nhìn thấy phương hướng nào để giải quyết nên chỉ đưa ra những "tư tưởng chỉ đạo" mơ hồ và cũ kỹ như kêu gọi cán bộ phải "kiên định", "phấn đấu nâng cao hiệu quả", "nêu cao tinh thần", "phát huy trí thông minh và óc sáng kiến", "chống xa hoa, lãng phí", v.v... Bản Thông Báo của Hội Nghị lần thứ 9 Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng cuối cùng chỉ là một thú nhận bất lực.

## Nước Kampuchea sẽ ổn định?

Đúng như Thông Luận đã trình bày trong số 30, vấn đề Kampuchea, theo những đề nghị và yêu cầu của 5 thành viên thường trực của Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc, đã được giải quyết như sau :

Một là trao cho Liên Hiệp Quốc quyền kiểm soát ngưng chiến, tổ chức tổng tuyển cử tự do và quản trị tạm thời cho đến khi có một chính phủ mới được thành hình qua cuộc tổng tuyển cử nói trên.

Hai là thành lập một Hội Đồng Quốc Gia Tối Cao gồm 12 thành viên: 6 người do chính phủ Hun Sen đề cử và 6 người còn lại do ba phe kháng chiến chia nhau. Hội đồng này đại diện chủ quyền quốc gia trong thời gian chuyển tiếp.

Việc lung củng cuối cùng chỉ là vấn đề chấp nhận cho ông hoàng Sihanouk làm thành viên thứ 13 để trở thành chủ tịch cho Hội Đồng Quốc Gia Tối Cao này. Sau kỳ họp thứ nhất, Hội Đồng không giải quyết được vấn đề này, không hiểu vì ông Hoàng đang còn kỳ kèo đòi thêm quyền lợi cho phe mình hay vì phe Hun Sen và Hà Nội chưa chấp nhận. Hội Đồng Bảo An trong phiên họp cuối cùng (giữa tháng 9-90) đã thông qua thành phần của Hội Đồng Tối Cao và yêu cầu gởi phái đoàn đại diện đến tham dự phiên họp thường niên của Liên Hiệp Quốc trong những ngày tới.

## Nước Đức thống nhất

Hai nước Tây Đức, Đông Đức cùng bốn cường quốc: Mỹ, Nga, Anh và Pháp đã ký kết tại Moskva hiệp ước thừa nhận sự thống nhất của hai xứ này. Nước Đức thống nhất cam kết sẽ không chế tạo vũ khí nguyên tử, hóa học, vi trùng và giới hạn quân số dưới 370.000 người. Ngoài những ràng buộc nói trên, nước Đức thống nhất hoàn toàn nắm chủ quyền quốc gia. Chẳng hạn về mặt đối ngoại, nước Đức vẫn nằm trong khối Thị Trường Chung Âu Châu và là thành viên của Minh Ước Bắc Đại Tây Dương (NATO). Đông Đức đương nhiên, với sự đỡ đầu của Tây Đức, sẽ không còn ràng buộc gì với khối quân sự Warszawa và khối COMECON.

Cái giá mà Tây Đức phải trả là 12 tỷ DEM (tiền Đức) cho Liên Xô, tương đương với 7 tỷ USD, để trang trải những phí tổn hồi hương, định cư và chương trình giúp 350.000 Hồng quân, hiện còn đang trú đóng tại Đông Đức, trở về đời sống dân sự.

So với 12 tỷ DEM, cái giá mà Việt Nam phải trả để đi đến thống nhất đã vô cùng đắt đỏ vì những nhà lãnh đạo cộng sản Việt Nam đã phạm hai lỗi lầm rất lớn: thứ nhất là sự cuồng tín, thứ hai là nhận định sai lầm về những trào lưu tiến bộ của thế giới mà chúng ta đang sống.

Trước đây, Cộng Sản Việt Nam đã từng xem Đông Đức là một kiểu mẫu cho Việt Nam trên con đường đi đến chủ nghĩa xã hội.

## 17 năm sau, Allende được phục hồi danh dự

Có tổng thống Allende của Chile không phải là hoàn toàn vô tội. Với chưa đầy 35% số phiếu, ông đã được chỉ định vót vát làm tổng thống vào năm 1972 do một quốc hội chia rẽ trầm trọng. Mặc dầu đắc cử với một tỷ lệ mỏng manh như vậy, Allende tưởng rằng mình có toàn quyền để thay đổi hẳn xã hội Chile. Ông áp dụng một cách vừa giáo điều vừa vụng dại chủ nghĩa mác-xít trong một đất nước về cơ bản là một xã hội bảo thủ hữu khuynh. Quân đội Chile, vốn là một quân đội hợp hiến và phi chính trị nên đã rất lạnh nhạt với lý tưởng mác-xít của vị tổng thống tân cử. Thay vì rút bài học hiển nhiên là xã hội Chile không phù hợp với ý thức hệ của ông, Allende lại lấy quyết định thành lập những toán thân hữu vô trang với ý đồ rõ rệt là sẽ dùng các lực lượng này loại trừ quân đội. Dường nhiên là quân đội trở thành thù nghịch

với Allende nhưng đành bó tay vì truyền thống tôn trọng luật pháp và hiến pháp. Đã dám thách thức quân đội như vậy, dĩ nhiên Allende cũng bất chấp tất cả mọi yếu tố khác. Điều nghịch lý ghê gớm của Allende là ông ta hoàn toàn dựa vào một bản hiến pháp dân chủ mà ông tìm mọi cách để xé bỏ. Ông áp đặt nền kinh tế quốc doanh, áp đặt chủ thuyết kinh tế mác-xít với tất cả đam mê. Cuối cùng Allende đã đập phá hoàn toàn nền kinh tế tương đối phồn vinh của Chile. Vào lúc Allende sắp bị lật đổ, lạm phát đã lên tới 1% mỗi ngày và tất cả mọi ngành hoạt động đều gần như ngừng trệ. Tuy nhiên không phải Allende hoàn toàn chịu trách nhiệm về sự sụp đổ kinh tế của Chile. Cơ quan tình báo Hoa Kỳ, CIA, cũng đã đóng góp một phần rất tích cực vào thất bại của Allende vì Hoa Kỳ coi Allende là mối đe dọa cho an ninh của Châu Mỹ la-tinh. Không đầy một tháng sau khi quốc hội Chile biểu quyết tuyên bố chính quyền Allende bất hợp hiến, quân đội đã đảo chính lật đổ Allende. Allende chống trả lại anh dũng và đã chết với khẩu súng trong tay.

Allende là một người hùng nhưng sự nghiệp chính trị của ông đã là một tai họa cho đất nước của ông. Ông đã làm cho Chile kiệt quệ và đã mở đường cho một chế độ quân phiệt kéo dài 16 năm. Cũng nên biết rằng nước Chile trước Allende là nước có truyền thống dân chủ và nếu không có Allende chắc chắn giờ này Chile đã là một trong những nền dân chủ lớn của thế giới.

17 năm sau ngày Allende từ trần, tổng thống dân sự đầu tiên sau chính quyền quân phiệt, Patricio Aylwin, đã lấy quyết định phục hồi danh dự cho Allende để hàn gắn một vết thương vẫn còn chưa lành của dân tộc Chile. Allende vẫn còn là một lý do chia rẽ người Chile với nhau. Có người cho Allende là có tội nhưng cũng có nhiều người nhớ tới Allende như một lãnh tụ trong sạch và dũng cảm. Allende đã được chôn cất long trọng, vợ và con đã đi sau quan tài của ông cùng với tổng thống Aylwin và toàn thể nội các. Dân tộc Chile đã được hòa giải để từ đây lật sang một trang sử mới: hòa hợp để cùng nhau tiến lên. Chile là một nước rất có tiềm năng để trở thành một cường quốc Nam Mỹ.

## Thảm kịch da màu

Từ hơn một năm nay, khi tổng thống Nam Phi F.W. de Klerk tuyên bố thành lập một "nước Nam Phi mới", tình hình vẫn không có gì sáng sủa. Xung đột chủng tộc vẫn tiếp diễn, nhưng lần này giữa những người cùng màu da đen với nhau.

Hiện nay tại Nam Phi, người da đen chia ra làm hai phe. Phe ủng hộ Nelson Mandela, với tên gọi ANC (African National Congress), chủ trương đấu tranh đòi quyền bình đẳng với người da trắng, và phe của Mangosuthu Buthelesi, với phong trào Inkatha, từ trước vẫn hợp tác với người da trắng để xin quyền lợi. Hai phe này đang tàn sát lẫn nhau rất đẫm máu. Từ sáu tháng qua số người bị giết đã trên 800 người.

Một điều lạ lùng là phe Inkatha, không những không chống lại cảnh sát Nam Phi, mà còn ủng hộ lực lượng này khi thấy những dân da đen theo ANC bị tàn sát. Tổng giám mục Anh giáo, Desmond Tutu, lên tiếng cho rằng cảnh sát Nam Phi đã tiếp tay cho Inkatha thẳng tay tàn sát phong trào ANC. Ông Nelson Mandela lên tiếng tố cáo chính quyền da trắng cố tình không kiểm soát lực lượng cảnh sát và còn để lực lượng này đàn áp người da đen theo ý muốn của chính quyền. Theo ông Mandela, chính quyền Nam Phi đang đào tạo 7000 sĩ quan cảnh sát người da đen gốc Zulu, gọi là "cóm xung kích" ("instant corps") và chính

những người này đã bán vào dân của họ trong những cuộc xuống đường vừa qua tại thành phố Sebokeng và Johannesburg.

Thảm kịch da màu tại Nam Phi chưa có dấu hiệu sẽ chấm dứt trong một tương lai gần. Từ hơn ba thập niên qua, lực lượng cảnh sát Nam Phi đã liệt phe ANC vào hàng tử thù, không thể một sớm một chiều thay đổi được tâm tính kỳ thị của những cảnh sát viên này. Thêm vào đó, chủ trương bắt bạo động của Mandela đang được rất nhiều người da trắng Nam Phi và các chính quyền tây phương ủng hộ, do đó Mandela đang là một đối thủ chính trị lợi hại, có quần chúng và có khả năng trong những cuộc tuyển cử tương lai tại Nam Phi.

Phi Châu không phải là nhật thứ ưu tiên mà các cường quốc tây phương cần giải quyết gấp. Máu của người da đen vẫn tiếp tục đổ.

## Đài Loan: một cường quốc kinh tế mới.

Diện tích, dân số, tài nguyên đều không phải là những yếu tố quyết định chỗ đứng của một quốc gia trên thế giới. Ngay cả những khó khăn hay thuận lợi về mặt chính trị. Chính sách, tổ chức và con người quan trọng hơn nhiều.

Vào giữa thập niên 1960, khi các nước Tây Âu dồn dập bỏ rơi Đài Loan để thiết lập bang giao với Trung Hoa lục địa, rất ít ai đặt tin tưởng vào tương lai của Đài Loan. Sau đó Đài Loan bị trục xuất khỏi Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc nhường chỗ cho Trung Cộng. Cuối cùng chính Hoa Kỳ cũng thôi nhìn nhận Đài Loan như một quốc gia để trái thảm đỏ đón tiếp Đặng Tiểu Bình năm 1980. Nhưng xưa nay nhân định thắng thiên cũng nhiều. Đài Loan vẫn lặng lẽ và mãnh liệt phấn đấu để vươn lên và cho tới nay Đài Loan đã thực sự vươn lên trở thành một trong những quốc gia hàng đầu trên thế giới, được trọng nể và ưu ái.

Với một khối lượng ngoại tệ dự trữ 75 tỷ USD, Đài Loan chỉ thua Nhật về số ngoại tệ dự trữ và đứng hàng thứ 15 trên thế giới về mãi lực. Lợi tức mỗi đầu người hàng năm của Đài Loan được ước lượng là 10.000 USD, một ước lượng có thể dưới sự thực. Vào năm 2000 lợi tức đầu người của Đài Loan sẽ lên tới mức 13.400 USD, bất kịp các nước Tây Âu.

Giàu có, Đài Loan trở thành một khách hàng quý giá cho các nước lớn và đồng thời cũng trở thành một vùng đất lời kéo đầu tư. Trị giá hàng nhập cảng của Đài Loan tăng lên rất mau chóng, từ 20 tỷ USD năm 1985 lên 52 tỷ năm 1989. Đầu tư nước ngoài vào Đài Loan đã vượt quá con số 10 tỷ USD năm 1989.

Mức tăng trưởng kinh tế của Đài Loan trong nhiều thập niên qua luôn luôn ở mức trên 10% một năm. Hiện nay đà này đã khựng lại vì Đài Loan đã trở thành một cường quốc kinh tế nhưng vẫn còn ở mức 7,2% một năm, nghĩa là hai lần hơn mức tăng trưởng của Hoa Kỳ và Tây Âu.

Phú quý sinh lễ nghĩa, Đài Loan sau nhiều năm dồn hết sức cho phát triển, bắt đầu cố gắng làm đẹp đất nước họ. Một khoản đầu tư khổng lồ 33,3 tỷ USD sẽ được giải tỏa từ đây tới năm 2000 để tránh ô nhiễm môi sinh và một tài khoản tương đương được dự trù cho hệ thống giao thông.

Trong khi các nước khác hối hả đem tiền đầu tư vào Đài Loan kiếm lời (tiền gọi tiền) thì Đài Loan cũng ráo riết tung tiền đầu tư ra nước ngoài để bành trướng thế lực. Đài Loan đầu tư mạnh mẽ tại khắp nơi trên thế giới. Riêng tại Việt Nam, Đài Loan hiện nay là nước tích cực nhất. Tuy vậy sự bành trướng thế lực của Đài

Loan vẫn chưa được đánh giá đúng mức vì nó rất đa dạng và rất độc đáo. Phần lớn đầu tư của Đài Loan là đầu tư chìm: một số người Việt gốc Hoa có liên hệ với Đài Loan được cấp vốn để hoạt động tại chỗ như những đơn vị Việt Nam mặc đầu do doanh nhân Đài Loan chỉ đạo. Hiện nay hầu hết các ngành công nghiệp ở miền Nam nằm trong tay người Hoa và một cách gián tiếp nằm trong vòng kiểm soát của Đài Loan.

Nếu ta ý thức được rằng hiện nay các chuyên gia kinh tế ước lượng cần 60 tỷ USD để cứu vãn nền kinh tế Liên Xô và chính sách dân chủ hóa của Gorbachev thì ta thấy sức mạnh của Đài Loan như thế nào. Với khối lượng ngoại tệ dự trữ 75 tỷ USD, một mình Đài Loan có thể cứu được Liên Xô, mặc dầu Đài Loan chỉ là một hòn đảo nhỏ với 20 triệu dân.

Trông người lại ngắm đến ta. Tổng sản lượng quốc gia Việt Nam (65 triệu dân) chỉ bằng 12 tỷ USD, nghĩa là sắp xỉ 3/4 số tiền mà người Pháp tiêu xài về thuốc lá.

## Trẻ em bụi đời tại Brazil

Theo báo cáo của Hội Ân Xá Quốc tế, hồi đầu tháng 9-1990, đã có hàng ngàn trẻ em Brazil bị những "đội quân tử thần" (death squads) sát hại. Nhân sự trong những đội quân này là những thành phần dân sự ưa chuộng bạo lực và những viên chức cảnh sát bị cách chức hay về hưu. Họ lùng bắt các trẻ em sống bụi đời trên các vỉa hè, đem về tra khảo, đánh đập và... bắn bỏ.

Hiện nay Brazil có trên 7 triệu trẻ em dưới 17 tuổi sống bụi đời tại các thành phố lớn, nhiều nhất là tại Rio de Janeiro. Các trẻ em vô thừa nhận này có cuộc sống rất đen tối: nam thì nghiện ma túy, sống bằng nghề trộm cắp; nữ thì hành nghề mãi dâm và cũng nghiện ngập. Tối đến các em này phải ngủ trên các vỉa hè và gây một tình trạng mất an ninh thường trực cho những người buôn bán. Chính quyền trung ương không những bất lực trước đà gia tăng tội ác của các trẻ em ở lứa tuổi vị thành niên này mà còn nhắm mắt làm ngơ cho những chủ tiệm thuê "đội quân tử thần" làm "sạch" hè phố.

Đây là một bài toán xã hội nan giải cho bất cứ một chính quyền nào. Người Brazil có tỷ lệ sinh suất cao 2,2% một năm và tỷ lệ dân cư thành thị chiếm 72,7% dân số.

Brazil vừa thoát khỏi ách độc tài quân phiệt (1961-1985) và đang đi vào con đường dân chủ. Chính quyền dân cử mới đây, dưới sự lãnh đạo của tổng thống José Sarney, chưa đủ chuẩn bị để tiếp thu một xã hội băng hoại do chế độ độc tài để lại. Brazil cách đây ba năm là nước có tỷ lệ lạm phát cao nhất thế giới, trên 430% một năm và một tỷ lệ thất nghiệp hơn 45%. Đến nay tình hình đã có nhiều chỉ dấu sáng sủa về mặt chính trị nhưng khó khăn vẫn còn đầy, nhất là về mặt kinh tế và xã hội. Nếu tìm lại được ổn vững, Brazil, với tài nguyên thiên nhiên tương đương với Hoa Kỳ và Liên Xô, có triển vọng trở thành một cường quốc lớn.

## Một tổ chức đối lập bị bắt

Báo Công An Nhân Dân ngày 31-7-1990, nơi trang 4 và 5, loan tin về một tổ chức đối lập bị phá vỡ. Tổ chức này mang tên Mặt Trận Quyết Tiến, hoạt động tại thị xã Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang và do hai cựu sĩ quan quân đội miền Nam cầm đầu.

Theo báo Công An Nhân Dân, tổ chức này chia làm bốn nhóm do các ông Nguyễn Thanh Sĩ (nhóm I), Huỳnh Văn Tươi (nhóm II), Tạ Văn Giác cùng với Nguyễn Hồng Sơn (nhóm III) và



Nguyễn Văn Ba, tức Ba Danh (nhóm IV), phụ trách phát triển tổ chức. Các tổ này báo cáo với Mặt Trận Quyết Tiến là đã kết nạp được hơn 100 người, nhưng theo tờ Công An Nhân Dân, họ chỉ có gần 10 người!

Họ có tội gì?

Theo báo Công An Nhân Dân, họ "thường bàn luận về tình hình quốc tế và tình hình các nước Đông Âu" và cho rằng "đã đến thời cơ có thể lật được chế độ xã hội chủ nghĩa Việt Nam". Chỉ có thế.

Đây là một vụ bắt người trái phép trắng trợn. Những người trong Mặt Trận Quyết Tiến đã bị bắt giam từ ngày 28-4-1990. Hai ông Nguyễn Văn Ba và Nguyễn Công Lắm đã từng bị bắt năm 1985 và bị ba năm tù với tội danh mơ hồ là "cầm đầu một nhóm phản động".

Ngoài ra báo Công An Nhân Dân còn tiết lộ thêm là ông Nguyễn Văn Ba đã hai lần viết thư cho cựu dân biểu Lê Tấn Trạng, hiện đang ở Mỹ.

---

## Vô sản thì đành vô giáo dục ?

Mùa nhập học năm nay các bậc phụ huynh học sinh rất lấy làm lo lắng vì giáo dục đang trở thành một dịch vụ kinh doanh của nhà nước.

Một số trường học có tiếng ở trung tâm thành phố đã chuyển sang bán công và nhà nước dự định sẽ đánh thuế lợi tức sau năm năm kinh doanh giáo dục. Những trường có giáo sư giỏi học sinh phải đóng học phí cao theo đúng câu "tiền nào của nấy". Những gia đình nào có lợi tức kém thì được sắp xếp cho con em mình sang những trường công ở những nơi xa xôi. Hiện tại thì có hàng chục ngàn học sinh nghèo đang phân vân chưa biết sẽ xin chuyển sang trường nào và các trường học đã khai giảng.

Giá một tháng học phí tại trường cấp I và II Phan Sào Nam, quận Ba như sau: lớp 1 và 5 phải trả 20.000 đồng, lớp 2, 3, 4 trả 18.000 đồng, từ lớp 6 đến lớp 9 giá từ 22.000-25.000 đồng. Trường này thực ra là trường cấp II nhưng ban giám hiệu nhận thấy nếu kinh doanh thêm cấp I thì sẽ thu được nhiều lãi hơn vì cấp I chiếm gần 3/4 tổng số lớp.

Một thí dụ: lương bình quân của một cán bộ công nhân viên y tế (một bác sĩ mới ra trường) tại Bến Sắn là 30.000 đồng (nếu là nhân viên hợp đồng, lương chỉ 24.000 đồng), mỗi tháng Sở Y Tế phải điều tiết trợ cấp thêm cho mỗi người 17.000 đồng. Trong khi đó chỉ riêng tiền lo cho một đứa con đi học mẫu giáo đã phải chi hết 45.000 đồng một tháng theo ước tính của chính quyền cộng sản.

---

## Cho "đấu thầu" chính sách tiền tệ và tín dụng

Qua thông báo số 155/KHKT, chính quyền thành phố Hồ Chí Minh đã cho "đấu thầu" công tác nghiên cứu "Xác định mô hình quản lý nhà nước về tiền tệ và tín dụng, tạo môi trường kinh doanh tiền tệ và bảo đảm thị trường vốn phục vụ hữu hiệu các chương trình kinh doanh lớn của thành phố".

Yêu cầu của đề tài, theo thông báo, về mặt lý luận là nhà nước điều khiển hoạt động tiền tệ và tín dụng, về mặt thực tiễn là làm thế nào thúc đẩy sản xuất hàng hóa, tạo điều kiện để nhà nước điều hành sự phân phối lưu thông tiền tệ và tạo nguồn vốn sản xuất, v.v... Thông báo còn nói thêm "ngoài ra đề tài phải đề ra

được các định chế pháp lý của ngân hàng nhà nước".

Tất cả mọi cá nhân hay tập thể đều có thể dự thầu và đề cương trúng thầu sẽ được cấp kinh phí để triển khai vào cuối tháng 9-1990 này.

Khi nhà nước không có chuyên viên đủ khả năng để soạn thảo một chính sách tiền tệ đúng đắn thì việc đem đấu thầu chính sách tự nó là một thái độ phục thiện đáng khuyến khích. Các chính quyền tây phương nhiều khi cũng ủy nhiệm một số công trình soạn thảo kế hoạch cho các công ty cổ phần tư. Nhưng việc đem đấu thầu toàn bộ chính sách tiền tệ quả thực là một bước nhảy vọt tương tự như bước nhảy vọt từ tình trạng lạc hậu lên thẳng xã hội chủ nghĩa mà không kinh qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa!

Điều đáng lưu ý là cách cho đấu thầu này chứng tỏ tình trạng trí tuệ giản đơn, mặc dầu có thiện chí, của nhà đương cuộc thành phố Sài Gòn. Làm sao có thể có một chính sách tiền tệ và tín dụng cho một thành phố trong một nước được? Điều này chỉ chứng tỏ nạn sử quân trăm trọng mạnh ai nấy làm đang diễn ra tại Việt Nam. Động trời hơn nữa là Ủy Ban Nhân Dân thành phố HCM lại còn tự cho mình thẩm quyền đặt ra các định chế pháp lý của Ngân Hàng Nhà Nước, một việc mà chỉ có chính quyền trung ương mới có thể quyết định. Nhưng càng đáng ngạc nhiên là ông Võ Chí Công vào ngày 23-5-1990 (trước khi có Thông Báo 155 của thành phố HCM) đã cho ra đời hai pháp lệnh liên quan đến ngân hàng: Ngân hàng nhà nước và tổ chức hệ thống ngân hàng thương mại. Theo chỗ chúng tôi được biết hai pháp lệnh này đã được chuyên viên ngoại quốc bao thầu và pháp lệnh sẽ được áp dụng vào ngày 1-10-1990.

Người ta nói những biện luận trên đây có thể là lý thuyết và đầu sao cơ quan chính quyền Sài Gòn cũng tỏ ra sáng suốt hơn chính quyền trung ương. Nhưng nhân dân sẽ hài lòng hơn nữa nếu chính quyền cộng sản có sáng kiến cho đấu thầu chính sách tài chính kinh tế trong cả nước thì hay biết mấy? Tuyệt hơn nữa nếu đảng và nhà nước cộng sản cho đấu thầu luôn cả chính quyền thì chắc chắn số phận đất nước sẽ khá hơn. Cách đấu thầu trang nhà nhất là bầu cử tự do.

---

## Tín dụng dài hạn để tài trợ TV

Sau 9 tháng thương lượng, Tổng Công Ty Bưu Chính-Viễn Thông Việt Nam (một công ty quốc doanh vừa được nhà nước cho ra đời trong năm 1990 để thay thế Tổng Cục Bưu Điện), đã ký kết với một tổ hợp các ngân hàng Pháp một khoản tín dụng 45 triệu FRF (quan Pháp) để trang bị thêm hai tổng đài điện thoại do hãng Alcatel (CGE) cung cấp. Một tổng đài dành cho Sài Gòn và một cho thủ đô Hà Nội.

Để hoàn trả khoản tín dụng trên, công ty này đã được nhà nước cho phép sử dụng số tiền ngoại tệ thu được trên các dịch vụ viễn thông quốc tế. Khi xét chương trình nhập khẩu dành cho Tổng Công Ty Bưu Chính Viễn Thông, ngoài những trang bị cần thiết, người ta còn thấy những mặt hàng khác như 1000 TV đen trắng, 1000 TV màu và một 1000 radio-cassettes. Phải chăng quy chế mới của Tổng Công Ty là một cách để buôn bán thêm kiếm lời? Hơn thế nữa Tổng Công Ty lại nhập khẩu 100 máy FAX để tái xuất khẩu sang Liên Xô.

Tín dụng dài hạn để tài trợ những trang bị dụng cụ kỹ thuật là một chuyện đúng đắn. Nhưng đi vay dài hạn để tiêu xài ngay là một chuyện không thể chấp nhận được. Sự hiểu biết của các nhà

kinh tế và kế hoạch cộng sản đến mức này là hết phương cứu chữa.

## Vịt đồ cho gà...

Sáu tháng đầu năm 1990, số vụ hàng nhập lậu bị bắt tại Sài Gòn tăng 1.289 vụ (gấp 8,7 lần so với sáu tháng cuối năm 1989). Trị giá hàng lậu ước tính hơn 24 tấn vàng và khoảng 100 triệu USD.

Hàng nhập cảng lậu gồm đủ thứ: bia hộp, rượu mạnh, dầu và băng video, máy thu hình, xe hơi, xe gắn máy, bánh kẹo, đồ nhựa, mì gói, giày dép, quần áo may sẵn, sà bông, dầu gội đầu, chôm chôm hộp, cá nướng, nước dừa, ô mai, tằm xia răng, v.v... Thuốc lá nhập từ biên giới Tây Ninh, Long An, Kiên Giang, An Giang; vật dụng điện tử từ An Giang; bia lon từ Đồng Tháp, Kiên Giang; xe máy, xe hơi từ Tây Ninh, An Giang; quần áo, thức ăn đóng hộp từ Kiên Giang; tất cả được chuyển về Sài Gòn bằng các phương tiện xe hơi, xe máy, xe đạp, ghe xuồng và đường bộ.

Hiện nay cả nước có 500 đầu mối xuất nhập khẩu trực tiếp thì gần phân nửa nhập vô tội vạ hàng tiêu thụ xa xỉ phẩm và dùng ngoại tệ lẫn vàng để thanh toán. Các đầu mối này sử dụng hóa đơn và biên lai thuế khống (có sẵn chữ ký và dấu ấn nhưng chưa điền), hoặc các biên lai đã sử dụng rồi để chuyên chở và giao hàng hóa.

Chẳng hạn như Công Ty Xuất Nhập Khẩu Nội Thương Đồng Tháp nhập 5.000 thùng bia lon San Miguel, đã bán hết cho Trạm Kinh Doanh Tổng Hợp và Cung Ứng Xuất Nhập Khẩu thuộc Cửa Hàng Tổng Hợp Số 1, Sở Thương Nghiệp trong ngày 28-5-1990, sau đó dùng tờ khai hải quan số 227/90 và biên lai thuế hải quan số 0042 của lô hàng này để bán một số lượng bia khác cho Công Ty Thương Nghiệp Tổng Hợp và Công Ty Thương Nghiệp Hợp Tác Xã Đồng Tháp. Tiếp đó hai công ty này dùng bản sao chụp lại (photocopy) tờ khai và biên lai thuế hải quan, rồi bán 4.000 thùng bia cho Công Ty Dịch Vụ Quận 10, Trạm giao dịch Việt Kiều Bến Tre đóng tại Hội Chợ Quận 10, v.v...

Nhà nước cũng có ra nhiều lệnh để bắt buôn lậu nhưng những người bị bắt đa số đều là dân chớ hàng mướn và một số tư thương bán lẻ. Còn những thủ phạm chính vẫn ung dung làm ăn ngày càng lớn hơn một cách "hợp pháp"; họ là những công ty xuất nhập khẩu, các công ty thương nghiệp tổng hợp, các hợp tác xã và các cửa hàng dịch vụ. Điều cần lưu ý là không một tư thương nào dám buôn lậu qua biên giới mà không có chỗ dựa đằng sau là các cấp đảng ủy, các cơ quan công quyền.

## Sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa

Xí Nghiệp Mỏ Py-rit Thanh Sơn ở huyện Thanh Sơn, tỉnh Vĩnh Phú, từ ngày ra đời năm 1974 đến nay đã làm tổn kém "hàng trăm tỷ đồng đầu tư" của nhà nước theo lời của Hà Văn Thế (báo Công An Nhân Dân số 96 ngày 31-7-1990). Sản lượng dự trữ cho năm 1990 là 20 ngàn tấn, trị giá chưa tới 2 tỷ đồng.

Bỏ ra "hàng trăm tỷ đồng" để rồi mong ước một trị giá sản xuất 2 tỷ đồng mỗi năm tự nó đã là một chuyện phi kinh tế. Đó là chưa kể hai yếu tố, một là "hàng trăm tỷ đồng" chỉ ra không phải là hàng trăm tỷ đồng hiện nay, một đồng bạc năm 1974 trị giá ít nhất cũng bằng 1000 đồng hiện nay, hai là muốn sản xuất được 2 tỷ đồng hàng năm (một chỉ tiêu chưa đạt tới), xí nghiệp còn phải chịu nhiều chi phí khác (lương công nhân, vật liệu, v.v...). Không biết thực sự lợi ích kinh doanh của Xí Nghiệp Mỏ Py-rit Thanh Sơn này là bao nhiêu. Câu chuyện kinh tế này xem ra có

về là một chuyện hoang đường.

Tuy nhiên sự thực còn hơn cả chuyện thần thoại. Giám đốc Lê Văn Vàng cho hay Xí Nghiệp còn bị hai "cú sốc" lớn là nạn ăn cắp vật tư đem bán làm sắt vụn và nạn ăn cắp quặng mỏ.

Nạn ăn cắp vật liệu do chính sách xuất khẩu kim loại phế thải mà ra. Nhiều cán bộ, công nhân viên bị bắt quả tang đem hàng tấn vật tư quí báu của xí nghiệp đem bán làm sắt vụn. Tháng 2-1990, hai công nhân bị bắt lúc đang chở 1 tấn bi thép đi bán, khi kiểm lại số bi dùng cho máy tán quặng đã mất 2 tấn. Nhiều bộ phận tinh vi không thể thay thế cũng bị gỡ làm sắt vụn. Ông Vàng cho hay nếu lơ là thì bất cứ một vật liệu gì cũng bị lấy cắp đem bán.

Nạn ăn cắp quặng mỏ do nhà nước cộng sản mà có. Quặng py-rit tuy chỉ có một nguồn tiêu thụ duy nhất là Nhà Máy Supe Phốt-phát Lâm Thao nhưng lại có tới ba nguồn cung cấp. Ngoài Xí Nghiệp Thanh Sơn còn có hai đơn vị khác cũng được phép khai thác mỏ py-rit là Đoàn 303 (thuộc Liên Đoàn Địa Chất 3) và mỏ Nam Đông (thuộc Công Ty Xây Lấp Hóa Chất). Hai đơn vị sau này vì không có phương tiện để khai thác bèn huy động dân chúng đi ăn cướp quặng mỏ của Xí Nghiệp Thanh Sơn về bán cho họ (giá 30.000 đồng/tấn) để bán lại cho Xí Nghiệp Lâm Thao (giá 90.000 đồng/tấn). Hàng ngày hàng trăm người ở các xã chung quanh Xí Nghiệp Thanh Sơn tràn vào khu vực khai thác, lúc đầu nhặt những quặng rơi vãi, sau đem cuốc sừng đến để đào bới rồi gồng gánh, chở xe bò về. Cuối cùng họ tràn vào kho ăn cướp. Cán bộ công nhân viên ngăn cản đều bị đánh đập.

Tình trạng này đến nay vẫn tiếp tục. Xí Nghiệp Py-rit Thanh Sơn đã kiện lên chính quyền, đã được xử thắng nhưng... hai xí nghiệp kia vẫn thu mua, họ cũng là hai cơ quan nhà nước.

## Than rơi, than... nhặt

Không biết tại mỏ than Cẩm Phả tổng sản lượng than xuất khẩu là bao nhiêu tấn một năm, nhưng nếu biết xoay sở người ta vẫn có thể mua hàng trăm ngàn tấn "than rơi, than... nhặt" một cách dễ dàng.

Một sáng kiến rất lan tràn là đi gom nhặt những nguyên liệu rơi rớt để bán... chui cho những ai cần. Tuy nhiên nhặt của "rơi" cũng có nghĩa là ăn cắp, ăn cướp hoặc móc ngoặc với những người có trách nhiệm nhắm mắt trong những lúc chuyển hàng. Thường thì sản lượng nhặt của... rơi này tương đương với sản lượng sản xuất trên giấy tờ thống kê và giá, thì đương nhiên rẻ hơn giá chợ đen, cao hơn giá chính thức và hàng có ngay sau khi vừa thỏa thuận.

Trên báo Lao Động Chủ Nhật ngày 19-8-90, số đặc biệt kỷ niệm Cách Mạng Tháng Tám, một cán bộ thu mua thuật lại câu chuyện như sau: ông và các bạn ông dùng lại dùng cơm ở một quán nhỏ bên đường, sau vài câu thăm hỏi được biết là các ông có trách nhiệm đi mua nửa triệu tấn than (tương đương với 8% tổng số than xuất khẩu hàng năm của Việt Nam), chủ quán thân nhiên đề nghị: "Tuồng nhiều chú cỡ năm bảy trăm ngàn tấn các bác cần em để cho, than loại nào cũng có, đảm bảo rẻ hơn của nhà nước". Chủ quán cho hay đó là những than rơi, than nhặt.

## Lại sắp bày ra thuế mới

Sở thuế thành phố Sài Gòn đã bắt đầu "tổ chức lấy ý kiến nhân dân" về hai pháp lệnh thiết lập thuế nhà đất và thuế thu nhập.

Chưa có dữ kiện nào được tiết lộ về dự án thuế nhà đất.

Về thuế thu nhập, pháp lệnh phân biệt thu nhập thường xuyên và thu nhập không thường xuyên. Về thu nhập thường xuyên, các công dân Việt Nam có lợi tức từ 200.000 đồng/tháng và các ngoại kiều có lợi tức 400.000 đồng/tháng đều sẽ phải trả thuế lợi tức. Thuế thu nhập thường xuyên sẽ tăng một cách lũy tiến (progressif) với lợi tức.

Các thùng hàng và các khoản chuyển ngân của người Việt hải ngoại gửi về cho thân nhân, những số tiền trúng số... được coi là "thu nhập không thường xuyên" và cũng bị đánh thuế với một phân suất lũy tiến mỗi lần, bắt đầu từ 1 triệu đồng.

Thuế xỏ số là một thứ thuế cực kỳ vô lý bởi vì trước khi phát các giải thưởng, nhà nước đã lấy đi một phần đáng kể rồi. Riêng về khoản quà biếu từ nước ngoài gửi về, ngay khi trao quà các thùng đã được đánh giá để đánh thuế "nhập khẩu phi mậu dịch". Pháp lệnh này có nghĩa là từ nay người lãnh quà sẽ còn phải trả thêm một khoản thuế mới nữa.

"Sáng kiến" mới này của đảng cộng sản Việt Nam cũng nằm trong tinh thần có thể gọi nôm na là "gà què ăn quần cối xay".

## Việt Võ Đạo phát triển

Trong hai ngày 30-6 và 1-7-1990, môn phái Việt Võ Đạo đã tổ chức Đại Hội tại Hoa Kỳ và bầu ra Hội Đồng Võ Sư, Ban Chấp Hành và Ban Thường Vụ cùng các Tổng vụ hải ngoại.

Võ sư Nguyễn Dân được bầu làm Chủ tịch Ban Chấp Hành. Ông Nguyễn Dân, năm nay 66 tuổi, là người ngay từ lúc đầu đã hợp tác với võ sư Nguyễn Lộc, người khai sinh ra Việt Võ Đạo. Võ sư Lý Phúc Thái được bầu làm Trưởng ban Thường Vụ.

Võ sư Trần Nguyên Đạo làm Tổng vụ trưởng Âu Châu, võ sư Dương Việt Hùng làm Tổng vụ trưởng Mỹ Châu và Lê công Danh điều khiển các Tổng Vụ Phi Châu và Úc Châu.

Việt Võ Đạo ra đời vào cuối thập niên 1930 do võ sư Nguyễn Lộc (mất năm 1960 tại Sài Gòn) thành lập. Khi bắt đầu phát triển về mặt quốc tế, Việt Võ Đạo gọi tất môn võ của mình, Võ Việt Nam, thành VOVINAM cho dễ phát âm đối với người nước ngoài. Dần dần môn phái được biết đến dưới danh hiệu VOVINAM Việt Võ Đạo.

Hiện nay, tại hải ngoại, Việt Võ Đạo có khoảng 150 võ đường với gần 5000 võ sinh. Số người đã từng là môn sinh của Việt Võ Đạo tại Việt nam và trên toàn thế giới ước lượng trên một triệu người.

Việt Võ Đạo không phải chỉ là một trường võ thuật mà còn là phong trào quảng bá một nghệ thuật sống nhằm đào tạo tinh thần lành mạnh phục vụ nhân loại. Việt Võ Đạo không ủng hộ một tổ chức hay một khuynh hướng chính trị nào, nhưng cũng không ngăn cấm các môn sinh tham gia hoạt động chính trị với tư cách cá nhân.

Sau ngày 30-4-1975, chính quyền cộng sản coi Việt Võ Đạo là một mối đe dọa và đã thẳng tay đàn áp. Chương môn Lê Sáng, sư đệ của võ sư Nguyễn Lộc, đã bị bắt giam và bị kết tội là Đại Tá Tình Báo (một điều hoàn toàn bịa đặt). Ông Lê Sáng (năm nay 72 tuổi) bị cầm tù hơn 13 năm và mới được trả tự do từ 1988. Phụ tá của chương môn Lê Sáng là võ sư Trần Huy Phong, đã nhiều lần bị bắt giam và chỉ mới được trả tự do vào đầu tháng 9-1990. Chính quyền cộng sản đã cấm tuyệt môn Việt Võ Đạo và cho phát triển thay vào đó môn võ Tae Kwon Do của Đại Hàn. Chỉ mới gần đây trước sự phẫn nộ của giới quyền thuật trong nước, chính

quyền cộng sản mới chịu để cho Việt Võ Đạo hoạt động trở lại.

Tháng 7-1990 vừa qua, chi bộ Việt Võ Đạo Pháp đã lấy một sáng kiến quan trọng là gửi một phái đoàn về chiếm bãi Tô Đường. Ba mươi môn sinh người Pháp đã về Việt Nam long trọng thăm chương môn Lê Sáng. Phái đoàn này đã được Sở Thể Dục Thể Thao và Tổng Cục Quyền Thuật tiếp đón. Cuộc thăm viếng này đã gây thanh thế cho Việt Võ Đạo trong nước. Nó cũng là dịp để người nước ngoài và giới quyền thuật thấy sự giả dối của chính quyền cộng sản: họ chỉ tiếp đón linh đình những người ngoại quốc, môn sinh của một môn phái Việt Nam trong khi chương môn của môn phái này vừa trải qua 13 năm tù, Tô Đường của môn phái này còn bị chiếm phân nửa và phó chương môn đang còn ngồi tù.

## Tin không đáng kể...?

Vài dòng, một cột, trong một góc của báo Tuổi Trẻ số 1685 ngày 23-8-1990, người ta đọc được một vài "tin lật vật" như sau:

### \*Kinh doanh

... "Đến hết tháng 7-1990, Xí Nghiệp Lâm Sản Quận Tám lỗ trên 66 triệu đồng, Công Ty Vật Tư lỗ trên 56 triệu, Công Ty Thương Nghiệp Tổng Hợp lỗ 170 triệu, Liên Hiệp HTX Mua Bán lỗ 212 triệu. Riêng Nông Trường Duyên Hải lỗ gần 300 triệu đồng và bị chiếm dụng 3 tỷ đồng".

Ai là người chịu thiệt thòi đây?

### \*Lộng hành

... "Huyện Tri Tôn (An Giang) vừa quyết định cách chức và giao pháp luật xử lý Bí thư Chi bộ Võ Văn Nên và Phó Chủ tịch Hà Thanh Khiết của xã Tân Cương.

Cả hai đã báo cáo tăng gần gấp ba diện tích xuống giống vụ hè-thu 1990 để lấy 470 bao phân đầu tư bán ra ngoài, còn kê khống (khai lỗ) tiền đảo kinh từ 38,5 triệu thành 50 triệu đồng và lấy tiền lương của cán bộ, công nhân viên từ tháng 2 đến tháng 5-1990 sử dụng vào việc khác..."

Còn bao nhiêu vụ tương tự nữa?

(Tám hàng, một cột, trang chót báo Công An Nhân Dân ngày 31-7-1990)

### \*Mạng người?

(...)"11 giờ 30 ngày 19-6-1990, xe khách số 79A 1773 bị lật tại Đèo Cả (Vạn Ninh, Khánh Hòa) làm chết 31 người, bị thương 27 người, công an Khánh Hòa đang phối hợp với các ngành giải quyết hậu quả tìm nguyên nhân."

(LTS. Một tháng rưỡi sau, tai nạn này mới được báo Công An Nhân Dân viết vài hàng và vẫn chưa tìm ra nguyên nhân).

(Tuổi Trẻ 11-9-90)

### \* Sáng Kiến

Một số kỹ sư xuất sắc của Bộ Xây Dựng và Tổng Cục Đường Sắt đã phát huy sáng kiến hoàn thành một "công trình khoa học" lớn: đó là chế tạo tà-vẹt (traverse) bê tông cải tiến K2 thay thế cho loại tà-vẹt K1 bị đánh giá là có hiệu quả kinh tế thấp. Kết quả sau khi lắp các tà-vẹt K2 là tốc độ tàu hỏa giảm xuống còn 25 km một giờ, chưa kể còn gây rất nhiều tai nạn. Hậu quả của sáng kiến khoa học kỹ thuật này rất lớn. Nhiều xí nghiệp bị phá sản vì sản xuất ra những loại tà-vẹt này. Hiện nay có tới 150.000 thanh tà-

## Độc giả viết

### Lời lẽ gay gắt

Nội dung của bài "Nhận định về một thái độ văn hóa" trong báo Thông Luận số 30 chắc không nhiều người chống đối. Tranh đấu cho một nền dân chủ, tự do và đa nguyên không thể chủ trương cấm đoán truyền bá tư tưởng, tin tức, văn hóa qua các sách, truyện hay báo chí. Việc cấm đoán trên thực tế rất tế nhị. Ai có thẩm quyền và nhân danh gì định đoạt sách vở, tài liệu này, báo kia bị cấm, cấm trang nào, giòng nào hay toàn diện, và cấm đến bao giờ. Tại Nga và Đông Âu, nhiều sách báo trước kia bị tuyệt đối cấm nay được ấn hành, bán tự do. Sống ở các xứ tự do, chẳng lẽ lại phải lén lút truyền tay, đọc các sách bị cấm như dân chúng tại các xứ cộng sản hay sao? Những ai muốn hiểu biết các hoạt động của cộng đồng, tin tức về đất nước, phải bỏ tiền ra mua báo, đi mượn bạn bè, sao chụp các tin tức quan trọng mà không bao giờ thấy đã gom được đầy đủ dữ kiện để hiểu được tình hình, theo sát được thời cuộc, chứ đừng nói đến chuyện cấm được đọc báo này, sách kia. Nhưng nói đến đa nguyên thì phải chấp nhận, tôn trọng, trong bất cứ hoàn cảnh nào, các ý kiến, quan niệm khác biệt. Các ý kiến, quan niệm hay, đúng đắn sẽ được nhiều người đồng ý, cổ vũ, ngược lại sẽ bị tự đào thải. Nói đến hòa giải thì dù không đồng ý, bài viết nói trên, theo ý tôi, nếu dùng những lời lẽ ít gay gắt sẽ tránh gây phản ứng tự nhiên của những người chủ trương cấm đoán, không tạo thêm khó khăn cho việc quan hệ, liên kết hoạt động trong cộng đồng không cộng sản, và như vậy phù hợp hơn với tinh thần hòa giải mà ban biên tập Thông Luận chủ trương.

*Nguyễn Đức Vương (Montigny le Bretonneux, Pháp)*

### Nỗi niềm tuổi trẻ

Em không lớn lên trong cảnh khói lửa đao binh, em chỉ lớn lên trong cảnh dân tình khốn khổ. Từ khi em biết đọc sách và bắt đầu hiểu đời thì em thấy rất đau khổ cho quê hương mình. Có những đêm dài nằm thao thức khi nghĩ đến hai chữ "quê hương", càng nghĩ em càng thấy nhức nhối trong tâm can! Đôi lúc em muốn hét thật to cho tiếng la của em được vang ra khỏi căn phòng bé nhỏ vì những uất ức mà quê hương mình phải gánh chịu từ ngàn xưa tới giờ. Với "lứa tuổi đôi mươi", em muốn đóng góp một phần công sức nhỏ bé của mình cho tổ quốc để khỏi thẹn là "trao nước Việt". Nhưng em thấy nhiệt huyết của mình dường như bị giảm sút bởi vì em thấy con người Việt Nam hôm nay không còn mấy ai thực sự có lòng thành đối với vận mệnh dân tộc.

Khi em đọc được tờ Thông Luận thì em được biết giữa thời đại

"vàng thau lẫn lộn" này vẫn còn có những con người hết mình vì một nước Việt Nam thực sự tự do, dân chủ trong tương lai. Đây là một niềm cổ vũ lớn lao trong thâm tâm để thúc đẩy em nên làm tròn trách nhiệm của "người trai thế hệ". Qua tìm hiểu đường lối của Thông Luận, nhất là bài "Nhận định về một thái độ văn hóa" của tác giả Nguyễn Gia Kiểng, em càng nhận thức được hướng đi của tờ báo là hoàn toàn đúng đắn, hợp với trào lưu mới của thời đại. Điểm mà em đồng ý nhất là "đấu tranh bất bạo động". Đấu tranh dùng bạo động đã lỗi thời, xưa như trái đất; chuyện đó chỉ nên xảy ra cách đây vài chục năm hoặc vài trăm năm về trước. Nhìn lại lịch sử, chúng ta thấy thời gian hòa bình để xây dựng lại quê hương rất ít...

Em hy vọng rằng những người chủ trương tờ nguyệt san Thông Luận mãi mãi là "những người tiên phong", luôn luôn đi kịp bước đi của thời đại để hoàn thành sứ mệnh lịch sử.

Riêng em cũng xin được bày tỏ lòng kính trọng, khâm phục, và sự ngưỡng mộ tới toàn thể ban biên tập nguyệt san Thông Luận.

*Trần Hữu Tuấn (Wichita, Kansas, Hoa Kỳ)*

### Ý thức chính trị

Sau (vụ bạo hành) tại Hòa Lan, vì bận nhiều việc nên không biên thư cho các anh chị được. Tuy nhiên tôi cũng đã nói chuyện này với các tổ chức mà tôi gặp được như Tổ Chức Nhân Quyền, Hội Ái Hữu... thì những tổ chức này cũng đồng quan niệm là hành động ẩu đả là một hành động thiếu suy nghĩ và đáng lên án vì sẽ đưa cộng đồng Việt Nam thành một cộng đồng kriminell (du đãng).

Sau hơn 15 năm lưu lạc trên những xứ sở mà quá trình văn minh, ý thức dân chủ cũng như ý thức chính trị quá cao, mà người Việt mình thì lại không thấu nhập được bao nhiêu. Xứ Đông Đức chỉ có hơn 200.000 người tìm tự do mà đã thay đổi hẳn chế độ. Nếu ý thức hệ của người Việt Nam cao, thì chúng ta đã có ba cơ hội để lật đổ chế độ cộng sản tại quê nhà: thứ nhất là chánh sách tù đầy, trại giam với hình thức cải tạo chính trị. Thứ hai là hơn hai triệu người vượt biển tìm tự do, hàng trăm ngàn người đã bỏ xác trên đường tìm tự do. Thứ ba là nạn đói khủng khiếp vừa qua tại miền bắc Việt Nam. Ba cơ hội đó là chúng tôi cụ thể cộng sản Việt Nam đã đưa dân tộc Việt Nam vào đường cùng, là cộng sản Việt Nam không thích hợp với dân tộc Việt Nam, với đất nước Việt Nam. Cái gì không thích hợp, cái gì làm sai, thì tất nhiên không còn đứng vững nữa, có chính nghĩa để lật đổ, tuy có điều là người Việt quốc gia không biết sử dụng nó. Đáng tiếc thay! (...)

*Trần Thanh Ngôn (Berlin, Đức)*

## THỜI SỰ... TIN TỨC... THỜI SỰ... TIN TỨC... THỜI SỰ... TIN TỨC... THỜI SỰ... TIN TỨC... THỜI SỰ... TIN TỨC... THỜI SỰ...

vet ứ đọng trong kho, có nơi tìm cách bán rẻ, có nơi đập lấy cốt thép gỡ gác đồng nào hay đồng ấy. Theo thẩm định ngày 22-5-1990 của Bộ Giao Thông Vận Tải, sáng kiến này đã gây thiệt hại cho nhà nước ít nhất 22 tỷ đồng.

(Tuổi Trẻ 8-9-90)

**\*Tuổi trẻ chán đời.**

Năm 1984 số người tự tử ở thành phố Sài Gòn là 4.291 người. Ba năm kế tiếp hạ dần xuống 3.000. Đến năm 1988 lại tăng lên gần 4.000, và đến năm 1989 đã đạt đến con số 5.216 người. Năm 1990 theo các cơ quan y tế thành phố, số người tự tử sẽ tăng cao hơn nữa. Trong 6 tháng đầu năm đã có 3.048 người tự tử, tăng 122% so với 6 tháng đầu năm ngoái. Số phụ nữ tự tử ở lứa tuổi 26 trở lên chiếm 62%. Ở lứa tuổi 16 đến 25 cứ trung bình 1000

thiếu nữ thì có 4 cô tự tử. Lý do chính do các cơ quan điều tra đưa ra là khó khăn kinh tế.

**\*Nhà Bè vẫn đói.**

Mặc dầu nạn đói đã xảy ra tại Nhà Bè từ hơn 2 tháng nay (Thông Luận số 30) và Nhà Bè nằm ngay sát trung tâm Sài Gòn, nhưng cho tới nay dân chúng Nhà Bè vẫn cứ tiếp tục đói. Hiện nay Nhà Bè có 401 gia đình đang đói gay gắt và 270 gia đình cần được cứu trợ. Chính quyền huyện cho biết họ cần có 28 triệu đồng để cứu trợ cho các gia đình này. Hiện nay có rất nhiều gạo đang ứ đọng ở Sài Gòn chờ xuất khẩu. Sự chuyên chở từ trung tâm Sài Gòn đến Nhà Bè bằng đường bộ, đường sông đều dễ dàng, tiện lợi. Nếu chính quyền thành phố Sài Gòn thực sự muốn cứu trợ, nạn đói tại Nhà Bè có thể chấm dứt trong vòng một giờ.

# Bầy Chim Bỏ Xứ\*

Đặng Tiến

Trên những nẻo đất cần cỗi Miền Trung, người dân quê thường nghe câu hát:

*Con chim xanh ăn quanh bãi cát*

Hình tượng đơn giản và bi thiết. Chim gì mà lại xanh? Ở đây chắc không phải sứ giả của Tây Vương Mẫu trong điển cổ. Gọi là chim xanh để đồng hóa con chim với không gian của nó, màu trời bát ngát và sắc lá mướt mà. Màu xanh của sông biển, rừng núi, ruộng đồng giăng lá giăng la; thế giới mộng mênh của cánh chim, ở đây, bị giới hạn vào bãi cát nhỏ bé. Bãi cát thì có gì cho chim bơi chải? Thế mà chim vẫn ăn quanh, vẫn không bay xa theo tầm mời gọi của trời cao đất rộng. Con chim nhẩn nại, chịu đựng, thủy chung với bãi cát khôn khéo, là hình ảnh con người Việt Nam, thời này qua thời khác.

Thế rồi một buổi sáng, những cánh chim xanh, chim hồng, loài chim tóc trắng, những vàng anh và ô thước, cùng một lúc vỗ cánh bay đi thành một áng cầu vồng ngũ sắc:

*Chim xa bầy còn thương cây nhớ cội  
Người xa người tội lấm người ơi*

Đường như có giọng hò mái nhì cất lên đầu đây, nào nuốt như muốn níu lấy, muốn giữ lại năm sắc cầu vồng cho sông nước quê hương. Nhưng *Bầy Chim Bỏ Xứ* đã bay xa, lưới đêm dày đặc sập xuống, chỉ còn vọng trong sương đêm giọng hò nức nở và tiếng nước thì thầm.

\*

Tổ khúc *Bầy Chim Bỏ Xứ* mà Phạm Duy vừa hoàn thành sau mười lăm năm thai nghén, sáng tác và tu chỉnh là một trường ca đặc sắc về nhiều mặt, nghệ thuật và tư tưởng. Muốn giới thiệu cần một bài dài, ở đây tôi chỉ nêu lên hai điểm mình tâm đắc nhất.

Trước hết là cái hồn dân tộc, qua những câu ca dao,

đồng dao, những làn điệu dân ca mà Phạm Duy đã dày công sưu tầm và chuyển vào một nhạc phẩm hiện đại, một cách tài hoa và uyên bác. Chim là một biểu tượng nghệ thuật không riêng gì cho Việt Nam, nhưng đặc biệt gắn bó với dân tộc ta, từ những cánh chim khắc họa trên trống đồng Ngọc Lũ, vật tổ của dân tộc ta, đến những tên Văn Lang, Hồng Bàng, Mê Linh, Trưng Trắc... dường như cũng là những tên loài chim. Cổ tích chúng ta từ xa xưa, có lẽ từ thời nhà Lý, đã rộn rã lời chim, con chim ăn khế trả vàng, con vàng anh vàng anh chui vào tay áo. Nay Phạm Duy đưa những lời chim muôn đời ấy vào chung một trường ca, mà anh gọi là tổ khúc - khúc hát những con chim cùng một tổ, hay cùng bay về một tổ - một dịp để chúng ta suy nghĩ thêm về ý nghĩa hai chữ tổ quốc.

Đơn giản và cảm động bao nhiêu khi được nghe hát lại một câu ca dao:

*Én bay thấp nên mưa ngập bờ ao  
Én bay cao nên mưa rào lại tạnh*

Ngày nay khoa khí tượng tân tiến đã xua đi những loài chim báo bão, chúng ta được thông tin khoa học, nhưng lại mất đi những đàn chim én và những bờ ao, nghĩa là những cánh ước mơ và những bờ hò hẹn chênh chéch sao mai.

Phạm Duy đã ươm lại tuổi thơ của chúng ta bằng những câu đồng dao âm ập tình người, sau bao gian truân vẫn biết che chở đùm bọc lấy nhau để bảo tồn cuộc sống bên ngoài những kỳ thị, phân chia:

*Bồ các là bác chim ri  
Chim ri là dì sáo sậu  
Sáo sậu là cậu sáo đen  
Sáo đen là em tu hú*

Cùng một giọng với câu này, chúng ta còn có nhiều câu khác: *kỳ không là ông kỳ đà hoặc bầu ơi thương lấy bí cùng*. Phạm Duy còn nhắc lại câu:



*Con chim sáo sậu  
Ăn cơm nhà cậu  
Uống nước nhà cô  
Đánh đổ bát ngô  
Cậu cô bắt đèn*

Câu đồng dao hóm hình, có ý mỉa mai ông chú bà cô, nhưng chủ yếu nhắc chúng ta thận trọng cử chỉ để tránh đổ vỡ - vì như một nhà văn đã nói: ở đời có những đổ vỡ có thể hàn gắn lại được và có những đổ vỡ không hàn gắn lại được. Chúng ta cảm động khi nghe cụ Phạm Duy - năm nay làm lễ thượng thọ bảy mươi - còn lo hàn gắn những tan vỡ do lịch sử và con người gây nên:

*Chim ngoan về đậu ngọn tre già  
Ta và chim khâu vá đời sau*

Đây là điều thứ hai tôi tâm đắc. Vì nhạc Phạm Duy nhiều lúc bi thiết, do nhu cầu nghệ thuật, nhưng lời hát không bi quan, không vượt ve những nhớ thương và tiếc nuối mông lung mà mang sức cường tráng xô đẩy người Việt đến gần nhau, ngồi lại với nhau, dù chỉ là để nghe nhau hát. Phạm Duy Liêm Pha\*\* truyền thụ cho đời sau niềm tin ở cuộc sống, con người và đất nước, anh tin ở một ngày về, ngày *Bầy Chim Hồi Xứ*. Niềm tin đó, cũng là một đặc tính của dân tộc ta như câu phương ngôn: còn da lông mọc, còn chồi xanh cây.

*Chim đi rồi một buổi chim về  
Cho tình yêu nở khắp miền quê*

Phạm Duy cho chúng ta một làn điệu quan họ tuyệt vời:

*Nơi rừng nhà ba mươi sáu ơ*

*Chim ơ loài chim*

*Có con chim ở lại*

*Có con chim đi rồi*

*Quan họ rằng, tôi hiểu rằng*

*(...) Rằng chim hót, tiếng chim Thanh*

*Bầy Chim Bỏ Xứ* đời dào nhạc tính dân tộc, nhưng tác giả không dễ dãi dừng lại ở những làn điệu cổ truyền; anh không lặp lại những điệu sẵn có dù hợp với đề tài như *Lý Con Sáo*, *Cò Lả*... Có lẽ vì thế mà con cò, vốn thân thuộc với dân quê và đồng ruộng Việt Nam chỉ xuất hiện thoáng qua. Người nghe mơ tưởng:

*Con cò lặn lội bờ sông*

*Gánh gạo đưa chồng tiếng khóc nỉ non*

*Nâng về nuôi cái cùng con*

*Để anh đi trẩy nước non Cao Bằng*

Câu này có lẽ xuất hiện từ thế kỷ thứ XVII, khi quan quân nhà Lê phải đi đánh nhau với nhà Mạc ở các vùng biên giới phía Bắc. Và con cò hiện thân gây guộc của người phụ nữ Việt Nam, ngày nay vẫn còn hiện đại, qua bóng dáng những người vợ, cuối thế kỷ XX vẫn còn gánh gạo nuôi chồng suốt mười, mười lăm năm trong

những gian nan và tủi nhục mà người phụ nữ thời Lê Mạc chưa hề biết đến. Dĩ nhiên *Bầy Chim Bỏ Xứ* là một tác phẩm nghệ thuật, ta không nên đòi tác giả phải thêm vào chuyện nọ chuyện kia.

Nhạc cổ truyền do nhân dân sáng tác tùy hứng, để nâng đỡ lời ca, một cách hồn nhiên; do đó nó có những hạn chế nhất định về mặt hòa âm và tiết tấu, và khó tách rời khỏi lời ca. Phạm Duy phải giải quyết một khó khăn lớn: lời ca trong tổ khúc phải hay, phải mang một thông điệp nhân đạo và lại phải bắt nguồn từ ca dao; trong khi đó nhạc cũng phải đặc sắc, hiện đại, đa dạng, phong phú. Thính giả ngày nay, trong đó có người nước ngoài, không ai kiên nhẫn ngồi chịu đựng một nhạc điệu nghèo nàn trong bốn mươi lăm phút. Phạm Duy phải bỏ ra non mười lăm năm, đã sử dụng kiến thức, kinh nghiệm và tài hoa của một nửa thế kỷ sáng tạo và sáng tác để hoàn tất một tuyệt phẩm. *Bầy Chim Bỏ Xứ* bắt đầu khoan thai, đắm thắm, rồi trở thành bi thiết. Có đoạn hồn nhiên, nhí nhảnh, rồi trầm lắng đắm say, rồi bay bổng nâng cao lời thơ:

*Mây trời này mây trời không tím ngắt*

*Con hoàng khuyên không ngừng hát chiêm bao*

Có lúc hào hùng, giục giã như trống xuất quân rồi lại trở về thanh thoát bao dung. *Bầy Chim Bỏ Xứ* nay thành *Bầy Chim Ngàn Xứ*; chim đã yêu mình nên nhớ yêu người mà vẫn chung tình với một gốc đa, một nóc rơm. Con chim Đỗ Quyên qua kinh nghiệm xa nước và nhớ nước, qua kinh nghiệm tử sinh đã nhận ra được lẽ huyền đồng của tạo vật, cho nên lời hát thăm thẳm, bao la hóa giải mọi giới ranh phù thế:

*Bầu trời này hay thế giới mông mênh*

*Thì cũng chỉ ca một bản Xuân Tình*

*Ở chốn trần gian hoặc ở vô hình*

Kết từ đẹp của một bài ca đẹp, và một cuộc đời đẹp. Huy Cận, ở tuổi gần thất tuần còn có câu thơ trẻ, khỏe:

*Con chim bay không thấy bóng mình bay*

*Chỉ thấy những chân trời phải tới*

Phạm Duy là cánh chim say mê những chân trời, sải cánh không ngừng nghỉ, không mệt mỏi; và bóng chim đã vẽ lên không gian đường bay của nghệ thuật và đường về của tâm tư. Người xưa trên địa bàn, khắc hình chim để làm kim chỉ nam: nhạc Phạm Duy là địa bàn cho nhiều thế hệ.

**Đặng Tiến**

17.9.1990

(\*) *Bầy Chim Bỏ Xứ*, Tổ Khúc do Phạm Duy khởi soạn 1975, hoàn tất 1985, bổ sung và thu thanh 1990, gồm có nhạc tập, cassette và compact disc. (LTS)

(\*\*) Liêm Pha: tướng giỏi nước Triệu thời Chiến Quốc, 70 tuổi còn cầm quân ra trận (LTS).

## Sổ Tay

### Chúng ta không có tiếng nói ?

Trong buổi nói chuyện ở hội Thanh Niên Hương Cảng ngày 16.2.1929, Lỗ Tấn bàn đến vấn đề: Trung Quốc không có tiếng nói. Những năm 30, Trung Quốc đại loạn, khắp nơi kẻ khóc người cười: Chiết Giang, Thiểm Tây ngập trong máu lửa, trong khi Hương Cảng chẳng hề hay biết vẫn thoải mái ăn chơi như không có gì xảy ra, tựa hồ Trung Quốc không có tiếng nói để truyền đạt cho nhau những tư tưởng, tin tức từ miền này qua miền khác để cảm thông nỗi thống khổ của nhau. Đến như cái tên của người Tàu: thậm chí có người còn không biết viết tên mình là Trương hay Chương, hay cứ nói là Chang cho tiện...

Từ chuyện nước Tàu nghiệm đến chuyện nước mình: cái tên người mình cũng là một vấn đề rắc rối, có dịp chúng ta sẽ bàn đến; nhưng cái tên dù sao chẳng nữa chỉ là áo khoác, là lớp vỏ, trầm trọng hơn hình như trong ruột cũng đã có chỗ ung thối rồi, giống người Tàu, chúng ta cũng chưa tìm thấy một thứ ngôn ngữ để thông cảm, để tha thứ cho nhau, để ngồi gần lại với nhau.

Dân mình trong nước không có tiếng nói, bị bịt miệng, muốn nói phải che chắn, phải nói lái, nói bóng, nói mập mờ... Nói đại ra thì bị bắt, bị tù, mà nhịn mãi nhịn hoài riết thành câm. Người khôn nói toàn hai ba giọng cả. Có một số người chẳng khôn, chẳng đại, chẳng biết sợ, cứ nói phăng những điều "cám nói", những cái miệng nói hộ sáu mươi triệu miệng, những tâm hồn, những khuôn mặt trời lên.

*Trên những gương mặt người héo úa tả tơi*

*Trên nỗi cô đơn thăm thẳm tuyệt vời*

*Trên tro tàn khổ đau*

*trên thân ma ảo vọng*

.....

*Không thể nấu mình trong câm lặng*

*Không úp mặt xuống khổ đau (1)*

Những ý chí muốn "quất hồn ta thành gió, xua đám mây hắc ám ven đời"(2), những khóm trúc không uốn cong trước cuồng phong và bạo lực: "Các anh có thể bỏ tù hoặc thủ tiêu tôi, nhưng súng không để ra tình yêu và niềm tin, bạo lực không cưỡng hiếp được chân lý"(3). Tôi muốn nói đến những viên ngọc quý trong biển sinh lầy.

Ngọc quý và nhà văn, hai thực thể hoàn toàn khác biệt: một thứ vô trí, vô giác, thuần cấu tạo vật chất; một thứ đắm tư tưởng, cảm xúc, nhiệt tâm, thuần địa hạt tinh thần; nhưng gặp nhau ở chỗ: nhà văn có *cái tâm trong sáng*, soi rọi lòng người như ánh kim cương, như viên bảo ngọc thu hút và lôi cuốn chúng ta. Người cầm bút có *một tấm lòng* cũng hiếm hoi như hạt ngọc không ô vết, gợn, bẩn.

Ngọc quý là đối tượng của những sự cướp bóc, chụp giạt, bằng không chiếm được thì bôi nhọ, phá hủy. Một tấm hồn trung thực, ngay thẳng, đẹp trong văn chương, tư tưởng, cũng là đối tượng của những sự cạnh tranh, bôi nhọ, đánh giá hoặc phá hủy ở cả đời.

Tôi nghe nói Nguyễn Văn Linh "gà" cho Nguyễn Huy Thiệp, Nguyễn Đình Thi "viết hộ" Dương Thu Hương. Ủ thì Thiệp là Thiệp giả, Hương là Hương giả. Hương-Thiệp là Đảng viết ra. Có sao? Đảng hay Hương hay Thiệp, hay ai chẳng nữa cũng chỉ là *một con người nào đó* đã cầm bút viết nên những tác phẩm. Cái quan trọng là *tác phẩm*, là những *bài viết*, là *chữ nghĩa*, là cái khi

phách, cái can đảm của con người, những cái sẽ tồn tại trong khi con người đến rồi đi, hoặc bị cưỡng bách ra đi(4).

Không Minh dường như cũng được vợ "gà". Có người bảo Phan Huy Ích viết hộ Ngọc Hân Ai Tư Văn. Phan Huy Thực, tác giả Bàn Nữ Thán, dịch giả Tỳ Bà Hành mà đến giữa thế kỷ này vẫn tưởng là của Phan Huy Vịnh. Tất cả những chuyện ấy có gì quan trọng? Có liên quan đến giá trị của các tác phẩm?

Con người sáng tạo ra tác phẩm, nhưng khi tác phẩm xuất hiện trước quần chúng thì *tác phẩm che lấp con người*, bài viết thoát khỏi tầm tay người viết. Ảnh hưởng của bài viết, của tác phẩm rộng lớn không biết đến đâu mà ngừng, không biết đến khi nào mới chấm dứt: vô hạn; trong khi con người hữu hạn.

Có cái đáng cho chúng ta lưu tâm hiện nay là giá trị văn chương và giá trị cải tiến xã hội - nếu không muốn nói là *ảnh hưởng lật đổ thể chế độc tài* - của những tác phẩm đối kháng hiện giờ. Ai viết không quan trọng; thực giả không quan trọng, mà nếu Đảng viết ra lại càng lý thú, vì chính Đảng đã có "nhã ý" xúi giục quần chúng lật đổ mình.

\*

Cái khó khăn của chúng ta là vấn đề ngôn ngữ. Dường như chúng ta hiện nay - cũng như người Tàu trước đây - không có tiếng nói. Một số - có thể chỉ là thiểu số, nhưng có diễn đàn - chưa quen truyền cho người đọc những cái mới lạ, những viên ngọc quý, chỉ quen nói những tiếng cũ đã mòn sáo, từ ba, bốn thập niên, quen với lối truyền đạt thứ ngôn ngữ nghèo nàn; toi tả khốn cùng của chia rẽ, nghi ngờ, thù địch, xâu xé... *thứ ngôn ngữ không có trong ngôn từ của các dân tộc khác*... để tự đầu độc tâm hồn, dân tộc mình; chưa quen truyền đạt cho nhau những thứ ngôn ngữ cảm thông, hiếm quý của những hạt trân châu, bảo ngọc, nổi lên trong bãi sinh lầy vùi sâu đất nước, để cho:

*"Ngọn cỏ bên đường sẽ trở xanh hơn". (5)*

Thụy Khuê

(1), (2), (5): trích "Một tuyên ngôn của người nghệ sĩ", thơ Dương Thu Hương.

(3): Dương Thu Hương trả lời cán bộ Trung Ương Đảng.

(4): chúng ta cần tìm hiểu về cái "tai nạn xe hơi" của Lưu Quang Vũ và Xuân Quỳnh cũng như cần biết rõ số phận của Dương Thu Hương hiện tại.

Vấn nhật sạm: bài "Tác giả của sáng tác" của Thụy Khuê, Thông Luận số 30, trang 20, cột 2, hàng 20, xin đọc: "Thi ca may áo cho người yêu: người trắng ăn vận toàn trắng cả." Thành thật cáo lỗi cùng tác giả và độc giả.

## THÔNG LUẬN

### Nguyệt san Thông tin Nghị luận

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số  
(tháng 7 và 8 chỉ ra một số)

Địa chỉ liên lạc:

Association VietNam Fraternité, 24 Square des Cottages  
91200 ATHIS-MONS, FRANCE

Giá báo một năm: Âu Châu 110 FF hoặc tương đương  
Nơi khác: 30 \$Mỹ, 40 \$Canada, 50 \$Úc hoặc tương đương

Báo chỉ phân phối theo đường bưu điện

Ngân phiếu hoặc chi phiếu xin đề

VIET.NAM FRATERNITE (xin đừng đề Thông Luận)

Thông Luận

hoan nghênh mọi ý kiến đóng góp  
mọi ủng hộ tài chánh  
và cảm ơn quý vị cổ động để phổ biến nó